Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH
QUỸ ETF FPT CAPITAL VNX50

Tên Quỹ	:	Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng	:	354../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28.. tháng .12.. năm 2022
Loại hình Quỹ	:	Quỹ hoán đổi danh mục
Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN	:	Ngày .28.. tháng .12.. năm 2022
Thời gian hiệu lực của Bản cáo bạch kể từ ngày	:	Ngày .28.. tháng 12.. năm 2022
Tiêu đề của Bản cáo bạch	:	Bản cáo bạch quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
Thông cáo nội dung sau	:	Quỹ đầu tư Chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 28.. /..12.. /2022

Người phụ trách công bố thông tin:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Hương
- Chức vụ: Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT
- Địa chỉ liên hệ: Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT

  Trụ sở chính: Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

  Điện thoại: (84) 24 – 7300 1313 Fax: (84) 24 – 3715 2834

Nơi cung cấp các tài liệu quỹ:

Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sẽ được cung cấp tại Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối của Quỹ và tại trang thông tin điện tử https://fptcapital.com.vn.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ các thông tin về Quỹ như sau:

1. Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm.
2. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.
3. Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc cháo bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó.
4. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành nơi nước họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.
5. Nhà đầu tư (Kể cả Nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tế và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua bán và nắm giữ chứng chỉ quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.
6. Nhà đầu tư hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.
7. Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.
8. Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 do Công ty quản lý quỹ và các Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ. Đặc biệt, giá trị chứng chỉ quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
9. Việc đầu tư vào Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư, Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

1. Công ty quản lý quỹ 8

2. Ngân hàng giám sát 8

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA 8

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ 12

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam 12

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư 14

3. Triển vọng kinh tế 2023 15

4. Giới thiệu về chỉ số VNX50 15

5. Lợi ích của việc đầu tư vào Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 17

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 18

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ 18

2. Các thông tin về Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ 20

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 21

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN 21

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 21

1. Thành viên lập quỹ 21

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT 22

1.2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) 22

1.3. Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE 22

1.4. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt 22

2. Danh sách Đại lý phân phối 22

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN 22

1. Dịch vụ quản trị quỹ 22

2. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng 22

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ 23

1. Thông tin chung về Quỹ 23

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ 23

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán 23

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ 23

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ 23

1.5. Người điều hành quỹ 23

1.6. Ban đại diện quỹ 24

2. Điều lệ quỹ trong đợt phát hành lần đầu 25

2.1. Các điều khoản chung 25

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế 25

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư 27
2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ ETF 33
2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ 35
2.5.1. Tần suất định giá và công bố thông tin 35
2.5.2. Thông tin về các mức Giá dịch vụ 35
2.6. Thông tin về các mức Giá dịch vụ mà quỹ phải trả 36
2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế 36
2.7.1. Phân chia lợi nhuận của quỹ 36
2.7.2. Chính sách thuế 37
2.8. Đại hội Nhà đầu tư 37
2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường 37
2.8.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư 38
2.8.3. Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư 38
2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư 38
2.9. Ban đại diện quỹ 39
2.9.1. Tổ chức Ban đại diện quỹ 39
2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ 39
2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ 40
2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 40
2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ 41
2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban đại diện quỹ 41
2.9.7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ 41
2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 42
2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 42
2.10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ 42
2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ 43
2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ 43
2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát 44
2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát 44
2.11.2. Trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát 45
2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát 46
2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo 46
2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán 46
2.12.2. Năm tài chính 47
2.12.3. Chế độ kế toán và báo cáo 47
3. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ 47
3.1. Rủi ro thị trường 47
3.2. Rủi ro lãi suất 47
3.3. Rủi ro lạm phát 48

3.4. Rủi ro pháp lý 48
3.5. Rủi ro tín dụng 48
3.6. Rủi ro xung đột lợi ích 48
3.7. Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp) 48
3.8. Rủi ro đầu tư thụ động 48
3.9. Rủi ro sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Index Tracking risk) 48
3.10. Rủi ro thanh khoản của thị trường 49
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF 49
1. Căn cứ pháp lý **49**
2. Phương án phát hành lần đầu (IPO) **50**
3. Đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ **52**
3.1. Giai đoạn đăng ký góp vốn 52
3.1.1. Thời hạn đăng ký góp vốn 52
3.1.2. Phương thức góp vốn 53
3.1.3. Trình tự thực hiện đăng ký góp vốn 54
3.2. Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ 55
3.2.1. Thời hạn thực hiện góp vốn 55
3.2.2. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn 55
3.2.3. Tài liệu nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối 55
3.2.4. Các trường hợp phát sinh trong quá trình góp vốn 55
3.2.5. Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ 58
3.2.6. Phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn 59
3.2.7. Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu 59
3.2.8. Đăng ký thành lập Quỹ 59
3.2.9. Trường hợp chào bán không thành công 59
3.3. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn 60
3.4. Giá dịch vụ phát hành cho IPO 60
3.5. Niêm yết chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 60
4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp) **60**
4.1. Nguyên tắc thực hiện 60
4.1.1. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi 61
4.1.2. Thời gian giao dịch hoán đổi 61
4.1.3. Thời điểm đóng sổ lệnh 61
4.1.4. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi 61
4.1.5. Phương thức giao dịch 62
4.1.6. Phương tiện thanh toán 62
4.1.7. Nguồn Chứng khoán hoán đổi 63

4.1.8. Giá giao dịch hoán đổi 64
4.1.9. Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại 64
4.1.10. Thời hạn xác nhận giao dịch 64
4.2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi 64
4.2.1. Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 ..... **64**
4.2.2. Giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 lấy Chứng khoán cơ cấu 68
4.3. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ 69
4.4. Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ 70
4.5. Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật 70
4.6. Sửa, hủy giao dịch hoán đổi 72
4.7. Tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi 72
4.8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế....) 73
4.9. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp) 73
5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng **74**
5.1. Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng 74
5.2. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) 74
5.3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng 74
5.4. Công bố Giá trị tài sản ròng 75
6. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết **75**
6.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ 75
6.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ 75
6.3. Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ 75
7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ **76**
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 76
1. Báo cáo tài chính **76**
2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ **77**
3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động **77**
3.1. Các loại Giá dịch vụ do Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trả 77
3.1.1. Giá dịch vụ phát hành 77
3.1.2. Giá dịch vụ mua lại 77
3.2. Các loại Giá dịch vụ do Quỹ trả 77
3.2.1. Giá dịch vụ Quản lý quỹ 77
3.2.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký 78
3.2.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ 78
3.2.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng 78

3.2.5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu 79
4. Các chỉ tiêu hoạt động 80
4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ 80
4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ 81
5. Phương thức tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ 81
5.1. Các khoản thu nhập của Quỹ 81
5.2. Phân chia lợi nhuận của Quỹ 82
6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ 82
7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ 82
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 83
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 83
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ 84
XV. CAM KẾT 84
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM 84
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 87
PHỤ LỤC 2: THÔNG TIN HƯỚNG DẪN THAM GIA ĐẦU TƯ VÀO QUỸ 89
PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 91
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN 111
PHỤ LỤC 5: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ 116

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ FPT (FPT CAPITAL)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007

Trụ sở chính: Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 – 7300 1313 Fax: (84) 24 – 3715 2834

Website: https://fptcapital.com.vn

Ông: Ngô Thanh Hải	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà: Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Vũ Hoài Anh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Lã Thị Xuân Anh	Chức vụ: Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Cường (theo Giấy ủy quyền số 883/QĐ-BIDV ngày 26/10/2020 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh

Địa chỉ trụ sở: 74 Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/9/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020.

Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Điện thoại: (84) 24 – 3941 1840 Fax: (84) 24 – 3941 1847

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty quản lý quỹ và các bên khác có trách nhiệm liên quan theo quy định pháp luật cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản cáo bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

"Quỹ hoán đổi danh mục"/ "Quỹ ETF"/ "Quỹ"	Là Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
"Công ty quản lý quỹ" hoặc "Công ty quản lý quỹ FPT Capital"	Là Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/7/2007. Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT được Nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ ETF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Ngân hàng giám sát"	Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 và Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký Chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện.
"Công ty kiểm toán"	Là Công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán được Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban đại diện quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ quỹ"	Là Điều lệ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu này hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và niêm yết Chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp Đồng Giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ quỹ.

"Đại hội Nhà đầu tư"	Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ quỹ.
"Chứng chỉ quỹ"/"Chứng chỉ quỹ ETF"	Là loại Chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ"/"Lô ETF"	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chứng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá mua lại" (nếu có)	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là Giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là Giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.

"Năm tài chính"	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"Giá trị tài sản ròng của quỹ/NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF (iNAV)"	Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là Ngày định giá mà Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ phát hành và mua lại các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch Chứng khoán.
"Thành viên lập quỹ"/"AP"	Là Công ty Chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh Chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
"Đại lý phân phối"	Là các Công ty Chứng khoán có nghiệp vụ môi giới Chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Đại lý chuyển nhượng"	Là Công ty quản lý quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Chỉ số tham chiếu"	Là chỉ số VNX50, một chỉ số thị trường bao gồm 50 cổ phiếu thành phần niêm yết trên Sở giao dịch Chứng

	khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 Công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare.
"Chứng khoán cơ cấu"	Là Chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục Chứng khoán của Chỉ số tham chiếu.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Bỏ phiếu điện tử (e-voting)"	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"VSD"	Là Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam
"Sở giao dịch Chứng khoán"	Là Sở giao dịch Chứng khoán mà Chứng chỉ quỹ được niêm yết.
"HOSE"	Là Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"HNX"	Là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đã trở thành quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình, một nền kinh tế năng động có mức hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Từ sau khi chính thức gia nhập WTO vào 11/1/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới.

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý 3/2022 của Việt Nam là mức tăng trưởng mạnh nhất ở khu vực châu Á, cao hơn so với mức tăng 13,5% của

Ấn Độ.

Nhờ đó, tăng trưởng GDP 3 quý đầu năm của Việt Nam tăng 8,83% so với cùng kỳ và cao hơn đáng kể so với mức tăng 6,2% đạt được trong 2 quý đầu năm.

Hình1: Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2011-2022 (%)

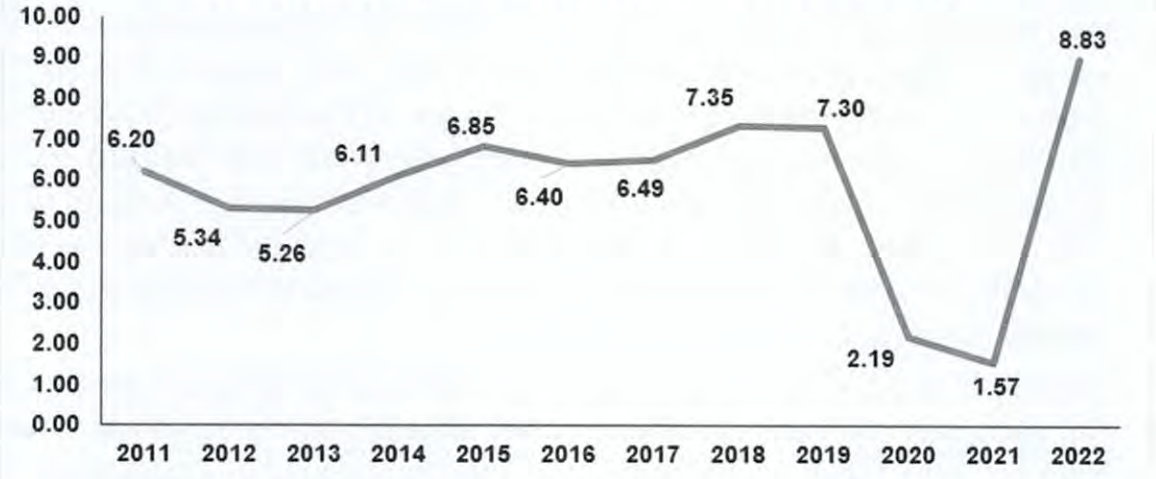

Nguồn: VnEconomy

Về lãi suất cho vay, CPI tháng 9/2022 của Mỹ tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2021, dù giảm 0,1% so với tháng 8/2022 do giá năng lượng giảm 2,1%, nhưng tăng mạnh hơn so với mức dự kiến là 8,1%. Như vậy, khả năng Fed sẽ đưa lãi suất cơ bản USD lên 4,5- 4,75% vào cuối năm 2022, sau đó có thể tăng nhỏ hơn vào tháng 2 và tháng 3/2023. Chu kỳ thắt chặt tiền tệ lần này của Fed có thể đưa lãi suất tăng lên trên 5%. Do đó, áp lực lên tỷ giá là khó tránh.

Các nhà phân tích tài chính dự báo, mặt bằng lãi suất huy động có thể tiếp tục tăng trong các tháng cuối năm 2022 với một số lý do: nhu cầu tín dụng tăng khi nền kinh tế phục hồi; thanh khoản thị trường chịu nhiều áp lực khi tăng trưởng huy động không theo kịp tăng trưởng tín dụng; nhu cầu tiền mặt mùa Tết Nguyên đán tăng cao vào cuối năm tiếp tục gây áp lực lên thanh khoản hệ thống.

Do ảnh hưởng của nhiều yếu tố vĩ mô, giá USD đã tăng so với các đồng tiền khác gần 9% so với đầu năm 2022. Tuy nhiên, diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND nhìn chung ổn định, chỉ tăng 2,21% so với đầu năm, thanh khoản thị trường thông suốt. Hoạt động thanh toán trong nền kinh tế diễn ra an toàn, hiệu quả, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện; thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh chính từ đà phát triển của hình thức này trong đại dịch COVID.

Tỷ giá - lãi suất đang là một vòng xoáy. NHNN có thể điều chỉnh tăng thêm 0,5-1% lãi suất điều hành trong các tháng cuối năm vì đây là công cụ khả dĩ nhất để giảm bớt áp lực tỷ giá. Với tình hình thanh khoản hệ thống hiện tại và áp lực bên ngoài chưa chấm dứt, không loại trừ khả năng tiền đồng có thể mất giá 10-15% trong năm 2022.

Tuy là quốc gia phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, đại dịch COVID-19 là cơ hội cho thấy khả năng kiểm soát dịch bệnh và nền kinh tế của Việt Nam. Trong những năm tới, khi thế giới phục hồi sau đại dịch, môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam có một số điều kiện thuận lợi: tiếp tục mở rộng tầng lớp trung lưu, sự trở lại của FDI từ các nước phát triển và xuất khẩu điện tử tiêu dùng trở lại.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Lũy kế 09 tháng đầu năm 2022, có tổng cộng 2,4 triệu tài khoản Chứng khoán cá nhân mở mới, gấp 3 lần cùng kỳ năm 2021 (Bộ Công Thương) và cao hơn 21% so với mức 1,5 triệu tài khoản mở mới cho toàn bộ năm 2021. Tổng số tài khoản Chứng khoán tới thời điểm hết tháng 6/2022 đạt 6,1 triệu, tương đương 6,2% dân số. Trong khi đó, theo chiến lược phát triển thị trường Chứng khoán Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045, số lượng Nhà đầu tư đạt 5% dân số năm 2025 và 8% dân số vào năm 2030. Có thể nhận định rằng mức tăng trưởng 2 con số nhiều khả năng vẫn sẽ được duy trì cho tới năm 2025 (trung bình khoảng hơn 500 nghìn tài khoản mới mỗi năm cho đến năm 2025).

Tiếp nối đà tăng từ năm 2021, VN-Index liên tiếp lập đỉnh lịch sử trong những phiên đầu năm 2022 và ở mức cao nhất kể từ khi thành lập thị trường chứng khoán vào phiên 6/1, đạt 1.528 điểm. Tuy nhiên, sau đó thị trường gặp khó và giảm mạnh. Trong quý 2 năm 2022, VN-Index sụt giảm hơn 20% từ 1,492.15 điểm về còn 1,197.6 điểm. Thanh khoản thị trường cũng sụt giảm mạnh khi giá trị giao dịch bình quân quý 2 chỉ đạt hơn 18,6 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 36% so với quý liền trước và giảm 23% so với cùng kỳ. Đến quý 3, các chỉ số diễn biến "lình xình," đặc biệt trước động thái tăng lãi suất mới nhất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thị trường đã có những phiên giảm rất mạnh.

Chứng khoán Việt Nam tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn cho các Nhà đầu tư nước ngoài. Trong năm 2021, đã có thêm 2 Quỹ ETF mới giải ngân vào thị trường Việt Nam là Fubon FTSE VN ETF và CUBS ETF nâng tổng số Quỹ ETF ngoại lên con số 5. Trong đó, Fubon đã giải ngân khoảng hơn 10,000 tỷ đồng.

Các chính sách thúc đẩy hoạt động kinh tế đem lại tiềm năng lớn cho thị trường

Chính phủ Việt Nam chú trọng đầu tư công. Tổng mức đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước là 2,87 triệu tỉ đồng với 85 dự án trong đó có 3 dự án xây dựng cao tốc trọng điểm. Riêng năm 2022 đầu tư công dự kiến 600.000 tỷ đồng. Tốc độ giải ngân cần cải thiện, như năm 2021 có kế hoạch đầu tư công hơn 500.000 tỷ nhưng giải ngân thực tế đạt khoảng 400.000 tỷ (76% kế hoạch). Các biện pháp thúc đẩy việc giải ngân tiếp tục được ban hành.

Mặc dù tình hình vĩ mô thế giới phức tạp, nhưng với vai trò là nước sản xuất trong chuỗi cung ứng khiến Việt Nam không phụ thuộc quá nhiều vào giá trị hàng hóa thế giới.

Kết hợp chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng trong mở cửa khôi phục kinh tế 2022-2025 kì vọng sẽ gia tăng tổng cầu và đạt mục tiêu tăng trưởng GDP trên 7%. Thị trưởng Chứng khoán cũng sẽ hưởng ứng với mức tăng trưởng tích cực.

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của thị trường Chứng khoán Việt Nam đang dần

được cải thiện và trong tương lai gần sẽ giúp Việt Nam nâng hạng lên thị trường cận biên theo xếp hạng của FTSE Russell. Thực tế, hiện Fitch đã nâng hạng thị trường Việt Nam lên BB+, tiệm cận mức Đầu tư (Invesment Grade), vào tháng 3/2022 với sự tự tin vào tiềm năng phát triển trung hạn mạnh mẽ của Việt Nam. Trong tháng 8/2022, thị trường Chứng khoán Việt Nam chính thức tiến hành thanh toán T+2, nhanh hơn nửa ngày so với quy chế cũ. Điều này được kỳ vọng sẽ kéo thanh khoản trở lại thị trường. Đây là bước đệm tiến tới thị trường Việt Nam thanh toán T+0 và cho phép các giao dịch bán khống. Dòng vốn ngoại sẽ được khai thông khi Việt Nam hoàn thành được những mục tiêu này. Mục tiêu nâng hạng thị trường cũng là một động lực lớn cho sự tăng trưởng của thị trường Chứng khoán cho giai đoạn sắp tới.

3. Triển vọng kinh tế 2023

Việt Nam đã nhanh chóng chuyển từ chiến lược "Zero Covid" sang chiến lược "Living with Covid", từng bước giảm bớt giãn cách xã hội và mở cửa một phần ở các địa phương có dịch, đẩy mạnh tiêm chủng và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ nền kinh tế.

Sự phục hồi của nền kinh tế trong năm 2022 chính là "điểm tựa" để nền kinh tế tiếp tục đà phục hồi trong năm 2023. Nhiều chuyên gia cũng nhận định, khả năng chống chịu của nền kinh tế là khá tốt tại thời điểm hiện nay, qua đó, tạo đà cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và cả giai đoạn kế hoạch 2021-2025.

Theo ước tính của FPT Capital, GDP năm 2022-2023 của Việt Nam có thể đạt khoảng từ 6,5 – 7,3% trong trong bối cảnh nền kinh tế dần tăng tốc từ giữa tháng 10 năm ngoái, nhờ đầu tư công và dòng vốn FDI. Các động cơ tăng trưởng cho nền kinh tế Việt Nam vào năm 2023 bao gồm: 1) dự kiến thúc đẩy dòng vốn FDI, vì Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của làn sóng FDI toàn cầu; 2) chính phủ thúc đẩy đầu tư công; 3) xuất khẩu lấy lại động lực nhờ cải thiện sản xuất trong nước và phục hồi nhu cầu bên ngoài. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ nền kinh tế, duy trì lãi suất cho vay thấp, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy chuyển đổi số của chính phủ và doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quá trình phục hồi nền kinh tế.

4. Giới thiệu về chỉ số VNX50

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá thể hiện biến động giá cổ phiếu của các Công ty niêm yết trên HOSE và HNX. Chỉ số VNX50 bao gồm 50 Công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare đáp ứng các điều kiện sàng lọc theo quy định về tư cách cổ phiếu, tỷ lệ free float (khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường), thanh khoản, và thuộc Top 50 giá trị vốn hóa của VNX Allshare. Ngày cơ sở của của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017. Tỉ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho Chỉ Số VNX50 là 10%.

4.1. Phương pháp lựa chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số

a) Xác định rổ VNX Allshare

Các cổ phiếu được lựa chọn là cổ phiếu của các doanh nghiệp đang niêm yết tại HOSE và HNX và không thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm

soát đặc biệt, bị tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ các trường hợp thực hiện sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chuyển sàn...) trong vòng ba (03) tháng tính đến ngày chốt dữ liệu;

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE hoặc HNX dưới sáu (06) tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét. Đối với cổ phiếu mới niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường thuộc Top-5 tính tại ngày chốt dữ liệu thì thời gian niêm yết dưới 3 tháng.
- Tỷ lệ khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng so với khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường chưa làm tròn (tỷ lệ free-float) ≤ 5%, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (GTVH_f) lớn hơn trung vị của tập hợp 85% GTVH_f của rổ cổ phiếu.

b) Xác định rổ VNX50

Các cổ phiếu thuộc chỉ số VNX Allshare sẽ được lựa chọn vào rổ chỉ số VNX 50 như sau:

Bước 1: Các cổ phiếu thuộc tập hợp 85% giá trị giao dịch (GTGD) tích lũy trong danh mục cổ phiếu xem xét sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hóa (GTVH). Trường hợp có 2 cổ phiếu trở lên có GTVH bằng nhau, vị trí của các cổ phiếu này được xếp theo thứ tự giảm dần về GTGD. Trường hợp tập hợp cổ phiếu chưa đủ số lượng tối thiểu là 70, tiếp tục nâng tỷ lệ tích lũy theo bước một điểm phần trăm cho đến khi đạt đủ số lượng tối thiểu.

Bước 2: Các cổ phiếu được chọn vào rổ VNX 50 theo thứ tự ưu tiên như sau:

Loại trừ các cổ phiếu thuộc diện cảnh báo trong vòng 3 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu hoặc từ ngày chốt dữ liệu đến ngày chính thức áp dụng rổ chỉ số mới.

Cổ phiếu đứng ở vị trí 1 đến 30: luôn được chọn vào rổ VNX 50.

Cổ phiếu đứng ở vị trí từ 31 đến 60: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VNX 50 kỳ trước, sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 50 cổ phiếu.

Bước 3: Danh mục cổ phiếu dự phòng:

10 cổ phiếu có GTVH lớn nhất sau khi xác định rổ VNX 50 tại bước 2 sẽ được chọn vào danh mục cổ phiếu dự phòng theo thứ tự giảm dần về GTVH, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VNX 50 bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số trong kỳ.

Cổ phiếu sẽ bị loại khỏi danh mục dự phòng nếu trong kỳ rơi vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch.

4.2. Phương pháp tính chỉ số giá

Công thức:

$$\textbf{Chỉ số} = \frac{\textbf{CMV}}{\textbf{Hệ số chia}}$$

Trong đó:

CMV (Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại):

$$\mathbf{CMV} = \sum_{i=1}^{n} (p_i \times s_i \times f_i \times c_i)$$

- i = 1,2 ,3… n
- n: số cổ phiếu trong rổ chỉ số.
- p_i: giá của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- s_i: khối lượng đang lưu hành của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.
- f_i: tỷ lệ free-float làm tròn của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán
- c_i: hệ số giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu i trong rổ chỉ số tại thời điểm tính toán.

Hệ số chia: Tại ngày cơ sở, hệ số chia bằng Giá trị vốn hóa thị trường vào thời điểm đóng cửa chia cho giá trị cơ sở của chỉ số. Trong trường hợp tăng/giảm CMV do những nguyên nhân khác với biến động giá trên thị trường, hệ số chia sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo tính liên tục của chỉ số.

5. *Lợi ích của việc đầu tư vào* Quỹ *ETF FPT CAPITAL VNX50*

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 mang đến cho Nhà đầu tư cơ hội đầu tư vào một rổ cổ phiếu mang tính đại diện cho toàn bộ các cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX. Là một loại hình Quỹ mở, Quỹ ETF sở hữu các ưu điểm của một quỹ mở như đa dạng hóa danh mục đầu tư, thanh khoản cao, và quản lý chuyên nghiệp bởi một Công ty quản lý quỹ. Ngoài ra, các lợi ích đặc thù khi đầu tư vào Quỹ ETF bao gồm chi phí hoạt động của Quỹ thấp và tính minh bạch cao:

Chi phí hoạt động của Quỹ thấp: Do Quỹ ETF đầu tư theo một Chỉ số tham chiếu, nên chi phí hoạt động hàng năm của Quỹ ETF thường thấp hơn các quỹ đầu tư khác mà trong đó, các nhà điều hành quỹ chủ động lựa chọn Chứng khoán đầu tư theo một chiến lược đầu tư đã đề ra. Chi phí hoạt động của Quỹ thấp dẫn tới lợi nhuận mang lại cho Nhà đầu tư cao hơn.

Minh bạch: Danh mục đầu tư của Quỹ ETF và Giá trị tài sản ròng được công bố cho Nhà đầu tư một cách minh bạch và thường xuyên. Nhà đầu tư biết rõ Danh mục đầu tư của Quỹ trước khi đưa ra các quyết định đầu tư. Dựa vào Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật liên tục 15s một lần, Nhà đầu tư có thể liên tục xác định kết quả các khoản đầu tư của mình để đưa ra các quyết định mua bán hợp lý.

Quản lý chuyên nghiệp: Thay vì tự đầu tư, quỹ ETF cho phép Nhà đầu tư tiếp cận với những người điều hành quỹ chuyên nghiệp, những người có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư, và nguồn lực để quản lý tài sản hiệu quả qua những giai đoạn biến động của thị trường.

Đầu tư vào một Chỉ số tham chiếu với chi phí hợp lý: Thay vì tự đầu tư vào nhiều Chứng khoán khác nhau với chi phí lớn hơn, Nhà đầu tư có thể sở hữu ngay một danh mục của Chỉ số tham chiếu với chi phí hợp lý. Nhà đầu tư có thể thực hiện giao dịch mua bán Chứng chỉ quỹ ETF thứ cấp qua Sở giao dịch Chứng khoán một cách thuận tiện với khoản vốn đầu tư nhỏ.

Thanh khoản: Khi có nhu cầu, Nhà đầu tư có thể bán lại Chứng chỉ quỹ ETF cho

Công ty quản lý quỹ đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (giao dịch sơ cấp) hoặc bán trực tiếp trên sàn giao dịch (giao dịch thứ cấp) với mức giá được đảm bảo gần với Giá trị tài sản ròng của quỹ (nhờ có hoạt động Arbitrage của Thành viên lập quỹ).

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên Công ty quản lý quỹ:	Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT
Tên tiếng Anh:	FPT Fund Management Joint Stock Company
Tên viết tắt:	FPT CAPITAL
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ:	110 tỷ đồng
Điện thoại:	(84) 24 – 7300 1313
Fax	(84) 24 – 3715 2834
Website:	https://fptcapital.com.vn

FPT Capital (FPTC) được thành lập vào năm 2007 với mục đích cung cấp cho khách hàng những giải pháp đầu tư thích hợp nhất. Với đội ngũ các chuyên gia dầy kinh nghiệm, mạng lưới rộng khắp và kiến thức chuyên sâu, FPTC mong muốn cung cấp đến khách hàng các gói quản lý đầu tư toàn vẹn và hiệu quả.

Giới thiệu về các cổ đông lớn:

SBI Ven Holdings Pte. Ltd.: có trụ sở đặt tại Singapore, sở hữu 49% cổ phần tại Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT và thuộc tập đoàn SBI Holdings Inc. (Nhật Bản). Tiền thân là Softbank Investment được thành lập năm 1999. Tập đoàn SBI hoạt động trong 3 mảng chính: quản lý tài sản, dịch vụ tài chính và công nghệ sinh học. Sau gần 30 năm phát triển, tập đoàn SBI trở thành một định chế tài chính hoạt động trên 20 quốc gia với 219 Công ty con và liên kết. Tập đoàn SBI là Công ty niêm yết có trụ sở chính đặt tại Tokyo, Nhật bản. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại sàn giao dịch Chứng khoán Tokyo.Về hoạt động kinh doanh, năm tài chính 2021 SBI có mức doanh thu đạt 541 tỷ yên (tương đương 93.429 tỷ đồng). Số liệu 09 tháng đến hết 30/09/2022, doanh thu của SBI đạt 858,3 tỷ yên.

Tập đoàn FPT: hiện đang nắm giữ 25% vốn điều lệ của FPT Capital và là cổ đông sáng lập của Công ty. Tập đoàn FPT thàng lập năm 1988 với tên gọi là Công ty Công nghệ Thực Phẩm (The Food Processing Technology Company), tiền thân của FPT. Tháng 3/2002, Công ty cổ phần hóa với tên Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT. Tập đoàn FPT là Công ty niêm yết (mã cổ phiếu: FPT) có trụ sở chính tại Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh từ tháng 12 năm 2006. Về kinh doanh, năm 2021, FPT đạt doanh thu hơn

35 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 5.350 tỷ đồng. Số liệu 09 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu đạt 30.975 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 5.665 tỷ đồng, đồng loạt tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái. Khấu trừ chi phí, FPT lãi sau thuế 9 tháng 4.856 tỷ đồng, tăng hơn 28% so với thực hiện trong cùng kỳ năm 2021. Trong đó, LNST thuộc về Cổ đông Công ty mẹ tăng 30% lên 3.943 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) 9 tháng tăng 30% lên 3.605 đồng. Cả doanh thu và lợi nhuận duy trì đà tăng trưởng tích cực với động lực chính từ mảng công nghệ và viễn thông. Sau gần 30 năm phát triển FPT trở thành tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ ở Việt Nam.

Giới thiệu về Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ:

Ông Ngô Thanh Hải Chủ tịch HĐQT	Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới, đầu tư và quan hệ khách hàng tại các tổ chức tài chính lớn như VNDirect, Công ty quản lý quỹ đầu tư Bông Sen, SBI Holdings, Inc. Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK cấp; Cử nhân - IC Nagoya, Thành phố Nagoya, Nhật Bản; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ; Cử nhân - Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam.
Ông Nguyễn Văn Lộc Thành viên HĐQT	Đảm nhận các vị trí quan trọng tại tập đoàn FPT: Chủ tịch HĐTV Công ty BĐS FPT; Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Phát triển khu CNC Hòa Lạc FPT; Phó Tổng Giám đốc CTCP Viễn thông FPT; Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương mại FPT; Trưởng Ban Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Thương mại FPT. Cử nhân kinh tế - Trường Đại học Thương mại Hà Nội, Việt Nam; Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
Ông Shuzo Shikata Thành viên HĐQT	Làm việc tại Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ với 20 năm kinh nghiệm, đảm nhận nhiều vị trí như: Trưởng phòng Nhật Bản, Giám đốc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hiện đang đảm nhận vị trí Trưởng phòng phát triển kinh doanh dịch vụ tài chính nước ngoài của Tập đoàn SBI Holdings, Inc, Tokyo, Nhật Bản.
Ông Taro Ueno Thành viên HĐQT	Đảm nhận chức vụ Giám đốc tại Bộ phận Quản lý đầu tư nước ngoài thuộc Tập đoàn SBI. Ông Taro Ueno cũng đồng thời đang đảm trách các chức vụ tại các tổ chức tài chính uy tín như Thành viên HĐQT Sunshine Energy,. Ltd tại Sri Lanka; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Công nghệ Utop tại Việt Nam; Thành viên HĐQT Công ty Chứng khoán FPT tại Viêt Nam

Giới thiệu về Ban điều hành Công ty quản lý quỹ:

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt Tổng Giám đốc	Có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư, dự án tài chính, đầu tư mua bán sáp nhập, ngân hàng cũng như trong các lĩnh vực đặc thù của Công ty QLQ như : lập và quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư Chứng khoán, tư vấn đầu tư Chứng khoán... Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp; Cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế - Đại học Luật Hà Nội; Thạc sỹ Luật quốc tế tại ĐH Quốc gia Hà Nội, chứng nhận tốt nghiệp chương trình trao đổi sinh viên Quốc tế Đại học Nagoya – Nhật Bản.

2. Các thông tin về Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

2.1. Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Thành lập năm 2007, mục tiêu của FPT CAPITAL là trở thành Công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam, mang lại lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng, đồng thời trở thành điểm đến tin cậy nhất cho các Nhà đầu tư trong khu vực và quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, trong những năm qua, FPT CAPITAL chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Hoạt động đầu tư cũng luôn luôn đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, các cam kết với khách hàng và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro.

Đến nay FPT CAPITAL đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và hiểu biết, nhiệt huyết và chủ động, xây dựng văn hóa làm việc của Công ty trên tinh thần hợp tác và chia sẻ, coi trọng mối quan hệ lâu dài với khách hàng và sự minh bạch trong việc quản lý tài sản cho khách hàng.

Với những nền tảng được xây dựng vững chắc, nên trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021	9 tháng 2022
Tổng doanh thu	9,45	16,34	16,57	16,56	15,03	5,06
Lợi nhuận sau thuế	5.72	(5.04)	20,08	8,04	7,77	5,25
Vốn điều lệ	110	110	110	110	110	110

Đến hết ngày 30/09/2022, FPT Capital quản lý 575 tỷ đồng bao gồm tài sản ủy thác từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

2.2. Các quỹ Thành viên do FPT Capital đã và đang quản lý

Quỹ Thành viên Việt Nhật (VJF): quỹ Thành viên được thành lập vào tháng 03/2008, với vốn điều lệ là 1.600 tỷ đồng (tương ứng 100 triệu USD). Quỹ đầu tư vào

các Công ty tư nhân ở Việt Nam bao gồm cả Công ty niêm yết và chưa niêm yết. Một số khoản đầu tư lớn mà Quỹ đã thực hiện và thoái vốn thành công, mang lại lợi nhuận đáng kể cho Quỹ như Công ty cổ phần giáo dục Việt Úc (VAS) và Công ty cổ phần FPT. Quỹ được đóng vào tháng 4/2016.

Quỹ đầu tư Giá Trị Việt Nam (VVIF): quỹ Thành viên được thành lập vào tháng 03/2019 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng và được đóng chính thức vào tháng 10/2019.

Quỹ đầu tư FPT Capital (FIF): quỹ Thành viên được thành lập tháng 12/2020 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Hiện tại, quỹ vẫn đang hoạt động.

Quỹ đầu tư A+ (A+ Fund): quỹ Thành viên được thành lập vào tháng 04/2022 với vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Hiện tại, quỹ vẫn đang hoạt động.

Những thông tin về hoạt động của FPT CAPITAL trong quá khứ nêu trên không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty trong tương lai.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng giám sát:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số:	0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020
Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số:	510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006
Địa chỉ:	Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84) 24 – 3941 1840
Fax:	(84) 24 – 3941 1847
Lĩnh vực hoạt động:	Cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư Chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán danh mục, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ Ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm quốc tế hoạt động tại Việt Nam và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn hoặc để trình Ban đại diện quỹ xem xét, lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư và đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ.

VII. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Thành viên lập quỹ

Các Thành viên lập quỹ của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là những Công ty

Chứng khoán hàng đầu Việt Nam, bao gồm các Công ty Chứng khoán sau:

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 19006446 Fax: 024 3773 9058

Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 13/07/2007.

1.2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính: Tầng 07, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84-283910 2222 Fax: +84-283910 7222

Giấy phép thành lập và hoạt động số 130/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 24/11/2021.

1.3. Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 247108 9234

Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 30/10/2007.

1.4. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Tầng 1, 4 và 7, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999.

2. Danh sách Đại lý phân phối

Danh sách các Đại lý phân phối được chỉ định được nêu và sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch và trên trang thông tin điện tử https://fptcapital.com.vn.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Dịch vụ quản trị quỹ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư.

Chi phí phải thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại Mục 2.6 của Phần IX của Bản cáo bạch này.

2. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

Địa chỉ trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm,

Hà Nội

Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở chuyển đổi, tổ chức lại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một Thành viên thuộc sở hữu của Nhà nước theo quy định của Luật Chứng khoán.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chi phí phải thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại Mục 2.6 của Phần IX của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên quỹ:	QUỸ ETF FPT CAPITAL VNX50
Tên tiếng Anh:	FPT CAPITAL VNX50 ETF
Tên viết tắt:	FCAP VNX50
Loại hình quỹ:	Quỹ hoán đổi danh mục
Địa chỉ liên hệ:	Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84) 24 – 7300 1313
Fax:	(84) 24 – 3715 2834
Website:	https://fptcapital.com.vn

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư Chứng khoán ra công chúng số...../GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày ...../...../.....

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ số ...../GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày ...../...../.....

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

a) Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, , Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.5. Người điều hành quỹ

Ban điều hành quỹ bao gồm 02 Thành viên:

Ông Ngô Thanh Hải

- Có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001031/QLQ do UBCKNN cấp ngày 13/11/2013; Chứng chỉ chuyên môn Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
- Có 9 năm làm việc tại các vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản (Trưởng phòng Đầu tư VIP, Giám đốc Đầu tư của FPT Capital từ tháng 11/2013 đến nay).
- Hiện đang là Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư của FPT Capital.

Ông Nguyễn Thành Long

- Có bằng Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng do Trường Đại học Kinh tế quốc dân cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001850/QLQ do UBCKNN cấp ngày 28/11/2019; Chứng chỉ chuyên môn Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
- Có 4 năm làm việc tại các vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản (Chuyên viên Đầu tư tại CTCP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, Ngân hàng TMCP Quân đội từ tháng 5/2015 đến tháng 4/2019; Phó phòng Đầu tư tại FPT Capital từ tháng 7/2021 đến nay).
- Hiện đang là Phó phòng Đầu tư tại FPT Capital.

1.6. Ban đại diện quỹ

Ban đại diện quỹ gồm 03 Thành viên như sau:

Ông Hayashi Ryosuke - Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban đại diện quỹ

Ông Hayashi Ryosuke hiện đang là giám đốc điều hành của quỹ SBI Ven Capital (Singapore)

Ông Hayashi Ryosuke có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vốn và đầu tư, ngân hàng đầu tư, tư vấn tái cấu trúc và tư vấn chiến lược. Hiện ông Hayashi Ryosuke đang nắm giữ vị trí giám đốc điều hành quỹ SBI Ven Capital tại Singapore và Thành viên hội đồng quản trị của Ngân hàng YaR – Bank tại Nga. Trước đó, ông đã từng đảm nhiệm vị trí giám đốc điều hành của quỹ đầu tư mạo hiểm Wall Street Journal Japan K.K và giám đốc điều hành của hãng tư vấn M&A Consulting, Inc tại Nhật Bản.

Bà Đoàn Thị Vân Anh – Thành viên độc lập, Ban đại diện quỹ

Bà Đoàn Thị Vân Anh hiện đang là Kế toán trưởng Công ty TNHH Northstar Precision Việt Nam

Bà Đoàn Thị Vân Anh có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán và phân tích. Hiện bà Vân Anh đang nắm giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty TNHH Northstar Precision Việt Nam. Trước đó, bà Vân Anh từng là kiểm toán viên tại hãng kiểm toán KPMG Việt Nam, chuyên viên phân tích tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina và chuyên viên phân tích cao cấp tại FPT Capital.

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt – Thành viên, Ban đại diện quỹ

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT

Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt có gần 10 năm kinh nghiệm làm Trưởng ban pháp chế của FPT Capital, thực hiện tư vấn pháp lý cho toàn bộ lĩnh vực hoạt động kinh doanh của FPT Capital bao gồm: hoạt động quản lý Danh mục đầu tư, quản lý lý quỹ đầu tư Chứng khoán, tư vấn đầu tư Chứng khoán và các lĩnh vực khác: quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư, dự án tài chính, đầu tư mua bán sáp nhập, ngân hàng. Đến tháng 8/2017, Bà Nguyệt được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc của FPT Capital. Bà Nguyệt có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCK Nhà nước cấp; Cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế - Đại học Luật Hà Nội; Thạc sỹ Luật quốc tế tại ĐH Quốc gia Hà Nội, chứng nhận tốt nghiệp chương trình trao đổi sinh viên Quốc tế Đại học Nagoya – Nhật Bản.

2. Điều lệ quỹ trong đợt phát hành lần đầu

2.1. Các điều khoản chung

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tạo thành. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng)*. Số vốn này được chia thành năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng).

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu.

Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Quỹ sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường

và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm dựa trên nhận định của Công ty quản lý quỹ với mục đích bảo vệ lợi ích Nhà đầu tư và đảm bảo việc phân bổ đầu tư không vượt qua những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật hiện hành.

2.2.3. Tài sản được phép đầu tư

a) Các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu;

b) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

c) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

d) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

e) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán. Việc đầu tư vào Chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho Chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;

g) Quyền phát sinh gắn liền với Chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ của các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

2.2.4. Hạn chế đầu tư

Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và phải đảm bảo:

a) Không đầu tư vào Chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị Chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào Chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục (i) và (ii) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c) Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục (i), (ii), (iv), (v) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ được phát hành bởi các Công ty trong cùng một nhóm Công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, Công ty con; các Công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm Công ty con có cùng một Công ty mẹ.

d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.

e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu Công ty đầu tư Chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng;

- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng,

f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của Công ty đại chúng, phần vốn góp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;

g) Không được đầu tư vào Chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là Chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ số tham chiếu;

h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng Chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của quỹ.

2.2.5. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.

Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua Chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay Chứng khoán.

2.2.6. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

a) Quỹ đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số Chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu.

b) Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục Chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu.

c) Khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ số tham chiếu.

2.2.7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Được quy định cụ thể tại Điều 62 của Điều lệ quỹ và Mục 5 Phần X của Bản cáo bạch.

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở

hữu.

b) Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư là tổ chức ký.

c) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh Chứng khoán, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một Thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

d) Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.

e) Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác.

2.3.2. Điều kiện góp vốn, điều kiện thanh toán áp dụng đối với Nhà đầu tư góp vốn vào quỹ

Nhà đầu tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ;

b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu;

c) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

d) Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2.3.3. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

2.3.3.1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;

b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều

lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ.

2.3.3.2. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục số biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2.3.3.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

2.3.4. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2.3.5. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, Công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2.3.6. Các trường hợp tái cơ cấu, giải thể quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

a) Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:

- Phương án hợp nhất, sáp nhập;
- Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
- Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.

c) Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công ty quản lý quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư có quyết định khác.

d) Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà đầu tư;
- Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
- Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 68 Điều lệ quỹ.

e) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm:

- Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục Chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
- Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

f) Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp

nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.

g) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
- Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).

h) Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:

- Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Nhà đầu tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
- Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Giải thể Quỹ

a) Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký Chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
- Quỹ hủy niêm yết;
- Đại hội Nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ: f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Đại hội Nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

- Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
- Chuyên các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
- Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị

phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;

- Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

c) Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

- Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
- Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
- Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khó bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.

d) Đại hội Nhà đầu tư chỉ định một Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.

e) Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 6 Điều 68 Điều lệ quỹ. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, Giá dịch vụ quản lý, Giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu Giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

f) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:

- Đối với Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán;
- Đối với tài sản không phải là Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

g) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:

- Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật Chứng khoán;
- Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
- Trong trường hợp là Chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Tư được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát

hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

h) Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

i) Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.

j) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

2.4.1. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá Phát Hành Lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;

b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối) theo quy định tại Điều lệ quỹ và các hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ.

   Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ được Thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

c) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, nhưng

không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;

d) Trong hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra thông qua Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam) khả năng thực hiện được lệnh của Nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.4.2. Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

Thực hiện một phần lệnh giao dịch

a) Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của quỹ;
- Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:
  - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
  - Số Chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số Chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ.

b) Trường hợp thực hiện một phần lệnh chuyển đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước.

c) Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

Tạm dừng giao dịch

a) Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- Sở giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ số tham chiếu;
- Tổ chức phát hành Chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liên trước Ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch Chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Cơ cấu lại Danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.

b) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều 18 Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

c) Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 6 Điều 18 Điều lệ quỹ, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

d) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 8 Điều 18 Điều lệ quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

2.5.1. Tần suất định giá và công bố thông tin

Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến Nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch Chứng khoán, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

2.5.2. Thông tin về các mức Giá dịch vụ

Giá dịch vụ phát hành:

Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ:

a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc sau khi quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.

b) Giá dịch vụ phát hành:

- Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Giá dịch vụ mua lại:

a) Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.

b) Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).

c) Giá dịch vụ mua lại

- Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

2.6. Thông tin về các mức Giá dịch vụ mà quỹ phải trả

Được quy định tại chương XIII Điều lệ quỹ và mục XI Bản cáo bạch.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phân chia lợi nhuận của quỹ

a) Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

2.7.2. Chính sách thuế

Trong quá trình giao dịch chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế mà Nhà đầu tư phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động của quỹ.

2.8. Đại hội Nhà đầu tư

2.8.1. Đại hội Nhà đầu tư thường niên, bất thường

a) Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

b) Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.

c) Việc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).

d) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Điều lệ quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

e) Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại

hội Nhà đầu tư.

2.8.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;

b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức Giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;

c) Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;

d) Phương án phân phối lợi tức;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và Thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;

g) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

2.8.3. Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư

a) Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo hướng dẫn của Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định pháp luật về Chứng khoán.

b) Thời gian, chương trình và nội dung của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai và các tài liệu quy định tại khoản 4.1 Điều 27 Điều lệ quỹ phải được gửi cho Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi tiến hành Đại Hội. Đại hội Nhà đầu tư không thảo luận các vấn đề nằm ngoài nội dung đã được thông báo.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.

d) Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ quỹ. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại Điều 27 của Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.

2.8.4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

2.8.4.1. Thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

a) Mỗi Chứng chỉ quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết.

b) Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 51% trên tổng số Chứng chỉ quỹ của những Nhà đầu tư tham gia biểu quyết hoặc lấy ý kiến.

c) Đối với vấn đề quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 24 Điều lệ quỹ, nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 65% trên tổng số Chứng chỉ quỹ của những Nhà đầu tư tham gia biểu quyết.

d) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho trên 50% tổng số Chứng chỉ quỹ của những Nhà đầu tư biểu quyết tán thành.

e) Những nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những nghị quyết này mặc nhiên bị hủy đồng thời Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và Nhà đầu tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

2.8.4.2. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

a) Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 24 Điều lệ quỹ có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ.

b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ quỹ.

2.9. Ban đại diện quỹ

2.9.1. Tổ chức Ban đại diện quỹ

a) Ban đại diện quỹ có ba (03) Thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.

b) Tối thiểu 2/3 số Thành viên của Ban đại diện quỹ là các Thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

c) Trong Ban đại diện quỹ phải có:

- Tối thiểu một (01) Thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu một (01) Thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư Chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- Tối thiểu một (01) Thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ

a) Tiêu chuẩn lựa chọn Thành viên Ban đại diện quỹ:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- Không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư Chứng khoán, quản lý tài sản hoặc pháp luật.

b) Những người sau đây không được là Thành viên Ban đại diện quỹ:

- Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Chứng khoán áp dụng đối với Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
- Là Thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị Công ty đầu tư Chứng khoán đại chúng.

2.9.3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ

a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.

b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ.

c) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

d) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

e) Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 24 Điều lệ quỹ.

f) Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

g) Thành viên Ban đại diện quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.

h) Thành viên Ban đại diện quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

a) Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ Tịch Ban đại diện quỹ trong số Thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ Tịch Ban đại diện quỹ phải là Thành viên độc lập.

b) Chủ Tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

a) Trường hợp chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.

b) Trường hợp không có người được ủy quyền, các Thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các Thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Ban đại diện quỹ

a) Thành viên Ban đại diện quỹ không còn tư cách Thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
   - Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm Thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Ban đại diện quỹ;
   - Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
   - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ;
   - Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   - Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
   - Có văn bản thông báo Thành viên Ban đại diện quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức, Thành viên lập quỹ.

b) Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Ban đại diện quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và Thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Nhà đầu tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban đại diện quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban đại diện quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban đại diện quỹ. Trong trường hợp Thành viên mới không được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban đại diện quỹ cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội Nhà đầu tư có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Ban đại diện quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

2.9.7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả Thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

b) Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.

c) Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý quỹ.

d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

2.10.2.Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ

2.10.2.1. Công ty quản lý quỹ có quyền sau:

a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều lệ này;

b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ hoặc pháp luật;

d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ;

f) Được hưởng các khoản Giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;

i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

2.10.2.2. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này. Công ty quản lý quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;

b) Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;

c) Công ty quản lý quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;

d) Công ty quản lý quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty quản lý quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

e) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều lệ này;

f) Công ty quản lý quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán.

g) Thực hiện các cam kết của Công ty quản lý quỹ được nêu tại Phụ lục 1 của Điều lệ quỹ.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ

a) Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, bị giải thể;
- Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty quản lý quỹ khác;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 40 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (16) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

d) Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 40 Điều lệ quỹ, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản Giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Điều lệ quỹ.

2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

a) Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư Chứng khoán, Công ty đầu tư Chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch Công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

b) Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư quy định khác, Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, Công ty đầu tư Chứng khoán mà Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

c) Công ty quản lý quỹ, Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán;
- Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác.

d) Tất cả các giao dịch Chứng khoán của Thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch.

e) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại Giá dịch vụ và mức Giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.

f) Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, Công ty đầu tư Chứng khoán khác do mình quản lý;
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ Tịch Công ty, Ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc Thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ;
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

g) Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư Chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

h) Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;

b) Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo

quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại;

c) Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;

d) Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;

e) Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 02, Phụ lục 03 của Điều lệ quỹ.

2.11.2.Trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát

2.11.2.1. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ sau:

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;

c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ là chính xác;

h) Xử lý các giao dịch về Chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;

j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng Nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2.11.2.2. Ngân hàng giám sát có quyền:

a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng giám sát được ký giữa các bên.

2.11.3.Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát

a) Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi từ cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký Chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ chấp thuận;
- Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 45 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1.Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất Công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 32 Điều lệ quỹ, Ban đại diện quỹ thực hiện chọn Công ty kiểm toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;

b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;

c) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;

d) Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

2.12.2.Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

2.12.3.Chế độ kế toán và báo cáo

2.12.3.1. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.3.2. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng Thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

2.12.3.3. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi thị trường Chứng khoán có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường, dẫn đến sự sụt giảm mạnh giá trị của Chỉ số tham chiếu. Giá trị tài sản ròng của quỹ cũng sẽ sụt giảm theo tỷ lệ tương đương. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty quản lý quỹ.

3.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng gián tiếp tới cổ phiếu. Lãi suất tăng tác động trực tiếp tới nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp, khả năng tăng giá bán của Công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng lên, vào kỳ vọng lạm phát; những yếu tố này gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty quản lý quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có

các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.3. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro phát sinh khi tỷ suất lợi nhuận của Nhà đầu tư không theo kịp tốc độ lạm phát của nền kinh tế, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận thực âm.

3.4. Rủi ro pháp lý

Thị trường Chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Sẽ tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động Chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai.

3.5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro liên quan đến những tổn thất/thiệt hại nếu bên đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/chi trả hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn.

3.6. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty quản lý quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập "tường lửa thông tin" nội bộ (Chinese wall) nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

3.7. Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp)

Khi niêm yết, cũng giống như cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ ETF chịu ảnh hưởng cung và cầu giao dịch trên thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng chỉ quỹ ETF tăng lên nhanh chóng trong thời gian ngắn, hoặc giảm xuống một cách đáng kể sẽ tạo ra chênh lệch giữa Giá Giao Dịch và Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ. Mặc dù hoạt động hoán đổi trên thị trường sơ cấp của các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư với Quỹ sẽ giúp giảm thiểu chênh lệch này, đây vẫn là rủi ro có thể gây bất lợi cho Nhà đầu tư.

3.8. Rủi ro đầu tư thụ động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ không chủ động lựa chọn cổ phiếu mà sẽ đầu tư tất cả hoặc phần lớn tài sản của quỹ vào các cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu. Nhà đầu tư lựa chọn đầu tư vào Quỹ nên chú ý rằng Công ty quản lý quỹ sẽ không đưa ra các biện pháp phòng thủ khi thị trường giảm. Chính vì vậy, sự sụt giảm của Chỉ số tham chiếu sẽ kéo theo sụt giảm giá trị của Quỹ bất chấp thị trường chung tốt hay xấu. Biến động chung của thị trường không chắc chắn sẽ tác động đến biến động của Chỉ số tham chiếu hay Giá trị tài sản ròng của quỹ. Do đó, ngay cả khi thị trường trong giai đoạn tăng trưởng mạnh thì ETF cũng có thể không thu được mức lợi nhuận vượt trội chỉ số mà nó mô phỏng.

3.9. Rủi ro sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (Index Tracking risk)

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát biến động của Chỉ số tham chiếu và Công ty quản lý quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt. Khi Chỉ số tham chiếu được xem xét định kỳ, Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành

mua/bán cổ phiếu tương ứng để đảm bảo bám sát biến động của chỉ số. Trong thực tế, các yếu tố như các hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp hay chia cổ tức/ phát hành cổ phiếu thưởng và đặc biến tính thanh khoản của thị trường, có thể ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu này. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động Quỹ sẽ phát sinh các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán Chứng khoán trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ cũng có thể ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu.

3.10. Rủi ro thanh khoản của thị trường

Mặc dù Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán, Nhà đầu tư nên lưu ý không có gì đảm bảo một thị trường giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF sôi động và thanh khoản cao. Ngoài ra, Chứng chỉ quỹ ETF chỉ được phát hành hoặc mua lại theo lô. Nhà đầu tư không nắm giữ đủ Lô chứng chỉ quỹ chỉ có thể giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán với rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ như dưới đây.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2012/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 158/2000/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
- Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định Giá dịch vụ trong lĩnh vực Chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán và Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định Giá dịch vụ trong lĩnh vực Chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh Chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường Chứng khoán Việt Nam;

- Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)

Tên Quỹ	:	Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
Tên tiếng Anh	:	FPT CAPITAL VNX50 ETF
Loại hình quỹ	:	Quỹ hoán đổi danh mục
Thời hạn hoạt động của quỹ	:	Không giới hạn
Mục tiêu đầu tư của quỹ	:	Mục tiêu của quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VNX50.
Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư	:	Những lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm
Các sản phẩm dự kiến đầu tư	:	Được quy định theo Mục 2.2.3 Phần IX của Bản cáo bạch này
Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư	:	- Trong đợt phát hành lần đầu, Nhà đầu tư và các Thành viên lập quỹ tham gia góp vốn bằng Chứng khoán cơ cấu. Trong thời gian này do Quỹ chưa được thành lập và tài sản đầu tư của Quỹ được phong tỏa an toàn tại VSD nên không áp dụng quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư. - Sau khi Quỹ được UBCKNN cấp phép hoạt động, Quỹ sẽ thực hiện quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư được xây dựng trong Tài liệu hướng dẫn Chiến lược và chính sách quản trị rủi ro của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sau khi được Ban đại diện quỹ phê duyệt
Cơ cấu đầu tư	:	Được quy định theo Mục 2.2.4 Phần IX của Bản cáo bạch này
Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký tối thiểu chào bán	:	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 (một trăm ngàn) chứng chỉ quỹ ETF
Thời hạn phát hành lần đầu	:	Bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư tối thiểu 20 ngày và tối đa 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực
Thời gian gia hạn phát hành	:	Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá 30 ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ

Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF	:	10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
Giá phát hành	:	10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
Giá dịch vụ phát hành	:	0% trên giá trị phát hành
Đơn vị tiền tệ	:	Việt Nam Đồng
Số lượng đăng ký tối thiểu	:	Tối thiểu 1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 (một trăm ngàn) chứng chỉ quỹ ETF
Phương thức phân bổ lần đầu	:	Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ ETF và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm. Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF này với VSD. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	:	Vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (T+1)
Phương thức và hình thức thanh toán	:	Phương thức giao dịch: Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ. Phương tiện thanh toán: Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao

		dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ
Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu	:	Dự kiến từ 30 đến 60 ngày sau khi kết thúc phát hành lần đầu phụ thuộc vào thời gian UBCKNN cấp Giấy phép thành lập quỹ.
Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối	:	Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội Danh sách các Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

Các đối tác liên quan đến đợt phát hành:

Tổ chức phát hành	:	Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
Đại diện phát hành	:	Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT
Ngân hàng giám sát	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành
Công ty kiểm toán dự kiến	:	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam
Thành viên lập quỹ	:	Danh sách các Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này
Tiêu chí, điều kiện đối với Nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ	:	- Nhà đầu tư có sở hữu Chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng Chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, ngoại trừ trường hợp Nhà đầu tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 bổ sung bằng tiền và/hoặc Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư. - Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu. - Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch Chứng khoán và đã ký hợp đồng về giao dịch hoán đổi

3. Đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ

3.1. Giai đoạn đăng ký góp vốn

3.1.1. Thời hạn đăng ký góp vốn

a) Thời hạn đăng ký góp vốn: Là khoảng thời gian theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng của Quỹ các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, trong đó nêu rõ số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đặt mua.

b) Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ công bố bản thông báo chào bán chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các phương tiện truyền thông theo quy định, trong đó có nêu rõ Thời hạn đăng ký góp vốn và danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến cho một (01) Lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu ra công chúng.

c) Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến này sẽ được Công ty quản lý quỹ cập nhật trong thời hạn đăng ký góp vốn nếu có thay đổi.

3.1.2. Phương thức góp vốn

a) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ bằng danh mục chứng khoán cơ cấu, bao gồm:

Đối với Thành viên lập quỹ:

- Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ;
- Chứng khoán đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ Chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

Đối với Nhà đầu tư:

Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư.

b) Trong một số trường hợp cụ thể dưới đây, Thành viên lập quỹ /Nhà đầu tư có thể thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF;
- Những Mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và Bản cáo bạch này hoặc Mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật;
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn; Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh;

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện trên. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo số tiền nộp thay thế cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

c) Trường hợp phát sinh sự kiện doanh nghiệp trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực

hiện việc góp vốn đến ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển từ tài khoản Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang ghi nhận vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50: Trong trường hợp Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ và giá trị được tính như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỉ lệ trả cổ tức.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng cổ phiếu được trả cổ tức hoặc được thưởng tương ứng với số lượng cổ phiếu hoán đổi nhân với giá đóng cửa các mã cổ phiếu này tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.
- Đối với quyền mua (khi giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ lớn hơn giá phát hành của quyền mua cổ phiếu); số tiền cần thanh toán bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu mua được từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ và giá phát hành của quyền mua đó.
- Đối với các quyền phát sinh khác: số tiền cần thanh toán bổ sung sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ số tiền cần thanh toán bổ sung nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ có thông báo.

3.1.3. Trình tự thực hiện đăng ký góp vốn

a) Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nơi mở tài khoản giao dịch, trong đó ghi rõ số lượng Lô chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu đặt mua. Mỗi Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ (tương đương với 100.000 chứng chỉ quỹ).

b) Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ từ 8h00 đến 17h00 các ngày làm việc trong thời hạn đăng ký góp vốn. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác của Giấy đề nghị đăng ký góp vốn.

c) Thời điểm cuối cùng Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận đăng ký góp vốn của Nhà đầu tư là 15h00 ngày làm việc kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn.

d) Sửa/hủy Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có thể sửa/hủy Giấy đề nghị đăng ký góp vốn bằng cách điền vào mẫu Giấy đăng ký sửa/hủy và chuyển về Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đăng ký góp vốn trước thời điểm kết thúc Thời hạn đăng ký góp vốn.

3.2. Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ

3.2.1. Thời hạn thực hiện góp vốn

a) Thời hạn thực hiện góp vốn là khoảng thời gian Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn lập quỹ cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và nộp tiền (nếu có) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 tại Ngân hàng giám sát theo thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ.

b) Thời hạn thực hiện góp vốn sẽ được ghi rõ trong Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 của Công ty quản lý quỹ.

3.2.2. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn

Trước 09h00 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn, Công ty quản lý quỹ thông báo cho VSD, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của Ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn; và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có).

3.2.3. Tài liệu nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối

Trong thời hạn thực hiện góp vốn, Nhà đầu tư nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối các tài liệu sau:

a) Giấy đăng ký góp vốn thành lập Quỹ;

b) Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn;

c) Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn;

d) Văn bản xác nhận số dư của Công ty Chứng khoán nơi Nhà đầu tư mở tài khoản để góp vốn;

e) Tư liệu xác nhận đã chuyển tiền thanh toán bổ sung vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF (nếu có). Các trường hợp thanh toán bổ sung bằng tiền, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải đảm bảo tiền được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát muộn nhất vào 17h00 ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn thực hiện góp vốn.

3.2.4. Các trường hợp phát sinh trong quá trình góp vốn

Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền do những Mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Mã chứng khoán đó là cổ phiếu quỹ và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư nước ngoài, không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sử hữu nước ngoài tối đa để góp vốn:

a) Số tiền tạm góp nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của Mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.

b) Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho

một Chứng khoán nhân với số lượng Chứng khoán của Mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.

c) Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện mua hộ các Mã chứng khoán này và thực hiện quyết toán với Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư như sau:

- Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

  - Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các Mã chứng khoán này.
  - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
  - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua:

  (i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng

  (ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư

  (iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

  (iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

  - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải trả lại cho Quỹ.
  - Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba)

ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

- Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:
  - Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các Mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các Mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của Mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch Chứng khoán vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các Mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
  - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
  - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng Thời hạn đăng ký góp vốn đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập:

(i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng

(ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư

(iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

(iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

  - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán và phí giao dịch

Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mã Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng Mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng Mã chứng khoán cơ cấu còn lại.

- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:

(i) Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;

(ii) Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.

- Trường hợp Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh danh mục thành phần của chỉ số VNX50 từ ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua hộ, theo đó có một hoặc một số Mã chứng khoán mua hộ bị loại ra khỏi Danh Mục Cơ Cấu của rổ chỉ số VNX50:
- Công ty quản lý quỹ không thực hiện mua hộ Nhà đầu tư những Mã chứng khoán này mà sẽ thực hiện quyết toán với Nhà đầu tư theo phương thức do Công ty quản lý quỹ quyết định;
- Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo với Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Danh mục chứng khoán cơ cấu mới được công bố.

3.2.5. Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

a) Vào 10h00 ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn, VSD sẽ thực hiện kiểm tra số lượng cổ phiếu Chứng khoán cơ cấu đăng ký góp vốn và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký đặt mua hay không.

b) Trong trường hợp đầy đủ số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua, VSD sẽ phong tỏa Chứng khoán cơ cấu và Ngân hàng giám sát sẽ phong tỏa tiền góp vốn, sau đó sẽ gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.

c) Trong trường hợp Số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn không đủ so với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua:

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chỉ mua được số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền vốn thực tế.
- Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt mua sẽ được VSD điều chỉnh xuống sao cho tròn lô chứng chỉ quỹ ETF (làm tròn xuống) tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn thực tế. VSD sẽ thực hiện phong tỏa trên số lượng Chứng khoán cơ cấu thực tế tương ứng với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã điều chỉnh và thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.

d) Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ Chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với một Lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ được coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực

hiện.

e) Đối với các giao dịch không hợp lệ, Chứng khoán sẽ duy trì trong tài khoản của Nhà đầu tư và tiền mặt sẽ được chuyển trả vào tài khoản chuyển đến trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi kết thúc Thời hạn thực hiện góp vốn. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền chuyển trả này.

3.2.6. Phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn

a) Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được VSD phong tỏa theo đúng danh mục Chứng khoán, tỷ lệ, số lượng Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ.

b) Thời hạn phong tỏa: Từ thời điểm VSD xác nhận phong tỏa cho đến khi Chứng khoán được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.

c) Hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện phong toả, giải toả Chứng khoán cơ cấu được thực hiện theo quy định của VSD.

3.2.7. Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu

a) Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

b) Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 phát hành lần đầu dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ FPT Capital không phát hành cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 này với VSD.

c) Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

3.2.8. Đăng ký thành lập Quỹ

Trong thời hạn 05 (năm) ngày sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi UBCKNN hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ.

3.2.9. Trường hợp chào bán không thành công

a) Trường hợp tổng giá trị vốn huy động thấp hơn 50 tỷ đồng trong đợt phát hành lần đầu thì đợt chào bán được coi là không thành công. Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo cho VSD. Việc giải tỏa Chứng khoán cơ cấu sẽ được VSD thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty quản lý quỹ. Thành viên lập quỹ không phải nộp hồ sơ đề nghị giải tỏa Chứng khoán của VSD.

b) Trường hợp đợt chào bán không thành công, trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN đồng thời thực hiện công bố thông tin về việc chào bán không thành công theo quy định. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ

phải hoàn trả cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất không kỳ hạn (nếu có) tính từ ngày khoản tiền này được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ không phải thanh toán phí chuyển tiền trong trường hợp này. Công ty quản lý quỹ chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn.

3.3. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn

a) Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do UBCKNN cấp có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện việc đăng ký Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu với VSD. Số lô chứng chỉ quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ sẽ được tự động lưu ký và phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ quỹ ETF nêu trên được xác lập từ thời điểm VSD lưu ký, phân bổ Chứng chỉ quỹ vào tài khoản lưu ký. Ngày hiệu lực đối với Chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 của VSD.

b) Việc đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn sang tài khoản của Quỹ ETF thực hiện theo quy định tại quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ Giao dịch hoán đổi do VSD ban hành.

c) Chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dùng để góp vốn lập quỹ đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 tại Ngân hàng giám sát nơi Công ty quản lý quỹ mở tài khoản và gửi Thông báo xác nhận chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu cho Công ty quản lý quỹ, Thành viên có liên quan.

d) Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 phát hành lần đầu dưới hình thức Chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành sổ/giấy chứng nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF đối với số lượng chứng chỉ phát hành lần đầu này.

3.4. Giá dịch vụ phát hành cho IPO

a) Là Giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải trả khi mua Lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của một Lô chứng chỉ quỹ.

b) Giá dịch vụ phát hành cho đợt phát hành lần đầu ra công chúng được nêu tại Mục 2.1 Phần X của Bản cáo bạch.

3.5. Niêm yết chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp)

4.1. Nguyên tắc thực hiện

4.1.1. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi

Thành viên lập quỹ và các Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện sau:

a) Sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu đáp ứng đúng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng Chứng khoán trong danh mục theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc

b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu.

c) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch Chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4.1.2. Thời gian giao dịch hoán đổi

a) Tần suất giao dịch hoán đổi (ngày T): hàng ngày (ngày làm việc).

b) Thời gian giao dịch hoán đổi định kỳ được quy định như sau:

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày làm việc: thời gian giao dịch là từ 9h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày nghỉ, lễ: thời gian giao dịch từ 13h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

c) Nếu ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

d) Công ty quản lý quỹ sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi này và các thời điểm liên quan khác.

4.1.3. Thời điểm đóng sổ lệnh

a) Là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi.

b) Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h40 ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.4. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi

Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình, HOSE, VSD về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn để hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm: các Mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 9h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và

phần tiền chênh lệch trước 13h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.5. Phương thức giao dịch

a) Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách các địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 01 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ.

b) Trường hợp Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm:

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
- Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ xác nhận lại với Nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải cung cấp cho Công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.

4.1.6. Phương tiện thanh toán

a) Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Những trường hợp hoán đổi bổ sung một phần bằng tiền bao gồm:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF
- Những Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan hoặc Nhà đầu tư nước ngoài không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các Chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

b) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện nêu trên trước 12h00 ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi để Công ty quản lý quỹ tính toán số tiền nộp thay thế (theo mẫu của Công ty quản lý quỹ). Công ty quản lý quỹ sẽ chủ động công bố Mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ngày giao dịch thuộc diện nêu trên. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định tại ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi.

c) Trong trường hợp Chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh mà Quỹ ETF FCAP VNX50 không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ ETF FCAP

VNX50 trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ ETF FCAP VNX50 với giá trị được tính như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức;
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF.
- Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu (khi giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF lớn hơn giá mua): Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF và giá mua.
- Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được FPT CAPITAL thông báo sau (nếu có).

d) Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ ETF số tiền cần nộp bổ sung nêu trên trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo.

e) Trong trường hợp hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thì phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng tiền mặt vào ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.

4.1.7. Nguồn Chứng khoán hoán đổi

Chứng khoán thực hiện giao dịch hoán đổi là các Chứng khoán tự do chuyển nhượng, đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với Thành viên lập quỹ:
  - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
  - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
  - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ Chứng khoán của Thành viên lập quỹ.
- Đối với Nhà đầu tư:
  - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của

Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

4.1.8. Giá giao dịch hoán đổi

Giá giao dịch hoán đổi được xác định như sau:

a) Giá phát hành: là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch cộng thêm Giá dịch vụ phát hành.

b) Giá mua lại: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu. Giá Mua Lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một (01) Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá dịch vụ mua lại.

4.1.9. Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại

a) Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ là Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ là Tổ chức tạo lập thị trường.

b) Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ sau khi tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức Giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

c) Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).

4.1.10. Thời hạn xác nhận giao dịch

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sẽ nhận được chứng chỉ quỹ; và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 lấy Chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký Chứng khoán của mình.

4.2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi

4.2.1. Giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch Chứng khoán, Tổng Công

ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành Lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng Mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;

b) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt lệnh giao dịch hoán đổi;
- Bảng kê Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi;
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán;
- Thông báo Chứng khoán hoán đổi thay thế bằng tiền (nếu có).

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

c) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
- Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.

d) Trước 12h ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các Mã chứng khoán thuộc diện cần hoán đổi bằng tiền (nếu có). Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không có thông báo cho Công ty quản lý quỹ về việc phát sinh thêm những Mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công ty quản lý quỹ sẽ căn cứ trên phiên giao dịch hoán đổi trước đó. Sau đó, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo tới Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của từng Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các Mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền.

- Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của Mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.
- Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương

ứng cho một Chứng khoán nhân với số lượng Chứng khoán của Mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu.

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chuyển khoản phần tiền bổ sung của giao dịch hoán đổi vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, đảm bảo khoản tiền này được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ trước 11h00 ngày làm việc sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).

Trên cơ sở số tiền tạm nộp thay thế của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ thực hiện mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số lô ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được phân bổ trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi (T+1).

e) Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các Mã chứng khoán này.
    - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSD xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua:
    - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
    - Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
    - Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
    - Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập

quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các Mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác (nếu có).

- Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

f) Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các Mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các Mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của Mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch Chứng khoán vào ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các Mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
- Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSD xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.

g) Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày VSD xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư:

- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
- Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
- Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được cộng vào giá mua Chứng khoán khi thực hiện quyết toán

cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

- Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

h) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến Mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới Chứng khoán và phí giao dịch Chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mã Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng Mã chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng Mã chứng khoán cơ cấu còn lại.

i) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:

- Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
- Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.

j) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSD.

k) Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 phát hành thêm tại VSD đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang quỹ ETF.

4.2.2. Giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 lấy Chứng khoán cơ cấu

a) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 lấy Chứng khoán cơ cấu trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt lệnh giao dịch hoán đổi;
- Bảng kê Chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi;
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của Thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán;

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

b) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:

- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.

- Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.

c) Trong trường hợp giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thấp hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cần đảm bảo phần tiền chênh lệch này phải được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 11h00 của ngày làm việc liền sau Ngày giao dịch hoán đổi (T+1).

d) Trường hợp giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ ETF, phần tiền chênh lệch sẽ được Quỹ ETF hoàn trả lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ ba (03) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi.

e) Trường hợp hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, số lượng Chứng chỉ quỹ ETF còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

f) Trường hợp Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 không đủ số lượng Chứng khoán của một (01) Mã chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thì việc hoàn trả Mã chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như sau:

- Trường hợp tổng số lượng của Mã chứng khoán cơ cấu này mà Quỹ hiện có lớn hơn tổng số lượng phải hoàn trả nhưng số lượng Chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả dựa trên số lượng Chứng khoán tự do chuyển nhượng trong tài khoản của Quỹ theo nguyên tắc FIFO đặt lệnh, số lượng còn lại Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sau khi có số lượng Chứng khoán bị hạn chế được chuyển thành Chứng khoán tự do chuyển trên tài khoản của Quỹ.
- Trường hợp sau khi lấy toàn bộ số lượng hiện có của Mã chứng khoán đó trên tài khoản của Quỹ hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhưng vẫn không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả bằng tiền dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày hoán đổi.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.

g) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sang tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định của VSD.

h) Ngày hiệu chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sang Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 mua lại tại VSD.

4.3. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ

a) Vào ngày làm việc thứ nhất (01) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (T+1), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Các lệnh không có đủ Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền chênh lệch (nếu có) tại thời điểm VSD thực hiện kiểm tra sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ và sẽ không được thực hiện. Các lệnh hoán đổi có đủ Chứng chỉ quỹ/Chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện.

b) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát sẽ tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền.

c) Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ ETF tại VSD.

4.4. Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ

Những trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:

a) Nhà đầu tư gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho Đại lý phân phối/Thành viên lập quỹ sau Thời điểm đóng sổ lệnh hoặc lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển tới Đại lý chuyển nhượng sau thời điểm đóng sổ lệnh.

b) Số lượng chứng chỉ quỹ ETF/Chứng khoán cơ cấu dùng để hoán đổi không đủ so với lệnh đặt tại thời điểm VSD kiểm tra số dư vào ngày T+1.

c) Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ không thanh toán tiền chênh lệch, các loại phí (nếu có) đúng thời hạn.

Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

4.5. Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định của pháp luật

Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ ETF của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dẫn tới các trường hợp sau:

- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vượt quá tỷ lệ tối đa được phép nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài;
- Tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư vượt quá 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành bao gồm cả cổ phiếu trước đó đã có trên tài khoản lưu ký của của Nhà đầu tư mà Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan;
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sở hữu chính cổ phiếu mà mình phát hành (cổ phiếu quỹ) mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực hiện:

a) Trường hợp là Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Nước Ngoài, Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư này;

b) Đối với các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thuộc trường hợp (b) và (c) ở trên, Công

ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần Chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần Chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư này.

c) Ngay khi phát sinh các trường hợp (a), (b) và (c) nêu trên, số lượng Chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý quỹ chưa bán được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.

d) Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư quy định tại mục này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần Chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch liên quan tới việc bán phần Chứng khoán này theo quy định của pháp luật liên quan. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán phân bổ và thông báo số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán Chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với các lệnh đặt cùng một kỳ giao dịch.

e) Trường hợp là các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

f) Nếu phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua trong thời gian Công ty quản lý quỹ chưa thực hiện bán thành công các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số Chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.
- Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được thực hiện theo

nguyên tắc sau:

- Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán Chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch đối với các lệnh đặt cùng một kỳ giao dịch.
- Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán Chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng Mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

4.6. Sửa, hủy giao dịch hoán đổi

- Nhà đầu tư được phép sửa/hủy lệnh trước Thời điểm đóng sổ lệnh và được thực hiện tại Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi theo mẫu cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.
- Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà đầu tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy, nếu thông tin chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung thông tin.
- Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối, Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu) cho Đại lý phân phối. Đại lý phân phối kiểm tra thông tin đặt lệnh Nhà đầu tư, chuyển lệnh của Nhà đầu tư đến Thành viên lập quỹ.

4.7. Tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi

a) Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

- Sở giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ số tham chiếu;
- Tổ chức phát hành Chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liên trước Ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch Chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Cơ cấu lại Danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.

b) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu trên, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

c) Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ số tham chiếu hoặc Tổ chức phát hành Chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liên trước Ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch Chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ: thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.

d) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.

4.8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế....)

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sẽ được thực hiện tương tự như việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký Chứng khoán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành.

4.9. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp)

a) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền, Thành viên lập quỹ thanh toán các khoản tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 trước thời điểm quy định như trên.

b) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) của Nhà đầu tư nước ngoài vào tài khoản của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 đối với việc thanh toán các khoản phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản này không được chuyển khoản từ "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) theo quy định của pháp luật.

c) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện khai báo thông tin tài khoản ngân hàng và nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài) cho Thành viên lập quỹ tại thời điểm đăng ký giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 lần đầu. Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sẽ thực hiện chuyển khoản các khoản tiền phát sinh liên quan đến giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đã được khai báo trước đây. Thông tin tài khoản ngân hàng sẽ không thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư, Thành viên lập

quỹ có những chỉ định khác bằng văn bản. Công ty quản lý quỹ sẽ không chịu trách nhiệm nếu tài khoản ngân hàng đã khai báo không phải là "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài).

5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

5.1. Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng

a) Ngày định giá: Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

b) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ.

c) Việc xác định Giá trị tài sản ròng do Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc.

5.2. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV)

a) iNAV được xác định trên cơ sở giá thị trường được thực hiện gần nhất của Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

b) iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và trên hệ thống của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

5.3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

a) Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.

b) Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị.

c) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

d) Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

e) Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.

f) Phương pháp xác định cụ thể được quy định trong "Sổ Tay Định Giá" do Công ty quản lý quỹ xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cũng được ghi rõ trong Phụ lục 4 của Bản cáo bạch này.

5.4. Công bố Giá trị tài sản ròng

a) Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

b) Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các Giá trị tài sản ròng sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

6. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết

6.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ

Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.

6.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các nguyên tắc sau:

a) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch Chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch Chứng khoán của HOSE và VSD.

b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE nơi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 được niêm yết.

c) Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán.

d) Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ (bán Chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng chỉ quỹ (Chứng khoán cơ cấu) này bao gồm:

- Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch.
- Số Chứng chỉ quỹ (số Chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu (số Chứng chỉ quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.

6.3. Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Errror-TE) liên tục trong ba (03)

e) Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại ngày trước Ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366 ngày).

3.2.2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

a) Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Giá dịch vụ Lưu ký: 0,06% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).
- Giá dịch vụ Lưu ký tối thiểu (không bao gồm Giá dịch vụ giao dịch Chứng khoán và Giá dịch vụ hoán đổi danh mục): 20.000.000 VNĐ/tháng.
- Giá dịch vụ giám sát (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng tuần): 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).
- Giá dịch vụ giám sát tối thiểu (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng tuần): 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

b) Tổng số Giá dịch vụ lưu ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

e) Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch Chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

3.2.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF được tính như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF là: 0,03% NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

3.2.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

a) Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

b) Mức Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng: 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của chu kỳ định giá.

3.2.5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

a) Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

b) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá số ngày trong năm"] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm"].

e) NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là NAV được tính tại từng ngày định giá, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Đối với những ngày nghỉ, ngày lễ, NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là NAV của ngày định giá liền ngay sau đó. NAV dùng để tính Tiền dịch vụ là "NAV trước phí". Tức là giá trị NAV trước khi trừ đi các loại phí được tính theo tỉ lệ % dựa trên NAV. Cụ thể:

NAV (dùng để tính Tiền dịch vụ) = Tổng tài sản – Tổng phải trả - Các chi phí cố định (không lệ thuộc vào giá trị NAV).

3.2.6. Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (TE)

a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

b) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c) Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá một số ngày thực tế của năm"].

3.2.7. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty Chứng khoán và các bên khác;
b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
f) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
g) Thù lao cho Ban đại diện quỹ;
h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
i) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

a) Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:

- Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
- Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
- Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban

đại diện quỹ;

- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

b) Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

c) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động x 365 ngày x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

a) Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\text{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100\%}}{\text{2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

b) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{\text{(Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 365 x 100\%}}{\text{2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

5. Phương thức tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

5.1. Các khoản thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

a) Cổ tức;

b) Lãi trái phiếu;

c) Lãi tiền gửi;

d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;

e) Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

5.2. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

a) Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

b) Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ.

c) Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.

d) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

e) Nhà đầu tư có trong Danh sách Nhà đầu tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công ty quản lý quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm ngày chốt danh sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

f) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chi trả ngay cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản của chính các tổ chức, cá nhân này theo chỉ thị của Công ty quản lý quỹ. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

g) Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- Hình thức phân chia lợi nhuận;
- Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ).

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường Chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được công bố định kỳ theo quy định của pháp luật. Các báo cáo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ tại địa chỉ: https://fptcapital.com.vn.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 và các quỹ ủy thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ, hạn chế xung đột lợi ích giữa Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 và Công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ:

a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;

b) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

c) Tất cả các giao dịch Chứng khoán của Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành;

d) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

a) Việc công bố thông tin của Quỹ được thực hiện qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:

- Trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ; hoặc
- Trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thống kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.

c) Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:

- Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm;
- Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
- Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, hàng tháng, quý, bán niên và cả năm.

d) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Sở giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:

- Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
- Số Lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư; chênh lệch so với Ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
- Thông tin về khối lượng Chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở giao

dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của Chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng Trên Một Chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động Giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; Chỉ số tham chiếu và biến động của Chỉ số tham chiếu;
- Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
- Sai lệch của cơ cấu đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);
- Việc định giá sai Giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);
- Giải thể Quỹ (nếu có);
- Thay thế Ngân hàng giám sát (nếu có);
- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
- Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).

e) Định kỳ hàng tuần, Công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (tracking error - TE).

f) Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty các nội dung sau:

- Thông tin về hiệu quả hoạt động của Quỹ ETF so với Chỉ số tham chiếu (nếu có);
- Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
- Tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

g) Trong hoạt động giao dịch Chứng khoán, Quỹ ETF phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan theo quy định về công bố thông trên thị trường Chứng khoán của Bộ Tài Chính, trừ các giao dịch hoán đổi với Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của Nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của FPT CAPITAL hoặc các Thành viên lập quỹ trong giờ làm việc.

FPT CAPITAL sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của Nhà đầu tư qua số điện thoại +84 (24) 73001313 hoặc gửi email tới địa chỉ etffcapvnx50@fpt.com.vn.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. **Danh sách các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối**
2. **Thông tin hướng dẫn tham gia vào quỹ**
3. **Các biểu mẫu giao dịch chứng chỉ quỹ**
4. **Phương pháp xác định giá trị tài sản**

5. **Dự thảo Điều lệ quỹ**

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Chủ tịch HĐQT Công ty quản lý quỹ	**Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ**
Ngô Thanh Hải	**Nguyễn Thị Thu Nguyệt**

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp;

Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ lưu ký giám sát của Quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư FPT, và các quy định về Ngân hàng giám sát trong Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

M.S.C.N: 0100150619-073 - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH - Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối

1.1. Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

- Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 19006446 Fax: 024 3773 9058
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 13/07/2007.
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:

  Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
  Điện thoại: 19006446 Fax: 024 3773 9058

  Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  Điện thoại: 19006446 Fax: 028 6291 0607

  Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 3, 4 Toà nhà Tràng Tiền, số 130 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

  Điện thoại: 19006446 Fax: 0236 3553 888

1.2. Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

- Trụ sở chính: Tầng 07, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 121/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/01/2016.
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:

  Trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

  Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

  Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3, tòa nhà văn phòng trung tâm Hà Nội, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

  Điện thoại: 024 7309 3968 Fax: 024 3938 7198

1.3. Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

- Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Pax Sky, số 63-65 Ngô Thì Nhậm, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 7108 9234
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 30/10/2007.
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Pax Sky, số 63-65 Ngô Thì Nhậm, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 7108 9234

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà DAG Holdings, số 87A Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7105 9988

1.4. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 1, 4 và 7, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

  Điện thoại: (84-24) 3928 8080 - 805 Fax: (84-24) 3928 9888
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999.
- Các địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ:

  Trụ sở chính: Tầng 1, 4 và 7, tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

  Điện thoại: (84-24) 3928 8080 - 805 Fax: (84-24) 3928 9888

  Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng trệt, tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

  Điện thoại: (84-28) 3928 8080 - 941 Fax: (84-28) 3914 7999

2. Danh sách các Đại lý phân phối khác

Danh sách đại lý phân phối được cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử https://fptcapital.com.vn.

PHỤ LỤC 2

THÔNG TIN HƯỚNG DẪN THAM GIA ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

I. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (SƠ CẤP)

Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu Quỹ

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, Nhà đầu tư cần hiểu rõ các đặc trưng của Quỹ như loại hình hoạt động, mục tiêu đầu tư, đặc tính rủi ro, phương thức giao dịch,... Nhà đầu tư có thể xem trong Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ,...

Bước 2: Mở tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ (AP)

Nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ thì cần mở tài khoản chứng khoán tại 01 (một) Thành viên lập quỹ. Danh sách Thành viên lập quỹ vui lòng xem tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.

Bước 3: Nộp lệnh giao dịch hoán đổi tại AP

Nhà đầu tư (cá nhân/tổ chức) cần có sở hữu chứng khoán và đáp ứng đầy đủ như trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi nếu muốn đổi lấy Lô ETF FPT CAPITAL VNX50.

Trường hợp Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư Mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của pháp luật thì Nhà đầu tư cần gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ trước 12h00 ngày liền trước ngày hoán đổi (ngày T – 1).

Trước 9h00 sáng ngày hoán đổi (ngày T), Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên website và các phương tiện truyền thông khác về Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi.

Nhà đầu tư hoàn tất hồ sơ hoán đổi và gửi đến Thành viên lập quỹ nơi mà Nhà đầu tư có tài khoản trước 14h40 ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

Bước 4: Xác nhận kết quả giao dịch

Sau khi nhận được các lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư thông qua Thành viên lập quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (VSD) sẽ kiểm tra và thực hiện các giao dịch hoán đổi mà Nhà đầu tư đã đăng ký.

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch cho Công ty quản lý quỹ.

Chứng chỉ quỹ ETF hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu sẽ được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư.

Tiền chênh lệch nếu có sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư đã đăng ký với Thành viên lập quỹ.

(*) Lưu ý những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ.
- Những Mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư phải đảm bảo tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF FPT CAPITAL

VNX50 trước 14h00 ngày làm việc liền sau ngày hoán đổi (T+1).

Trong trường hợp Quỹ ETF phải thanh toán phần chênh lệch bằng tiền cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ thì ngân hàng giám sát sẽ hoàn trả vào ngày làm việc thứ ba kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3).

Quy trình và thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi được nêu chi tiết trong mục "Giao dịch hoán đổi sơ cấp" tại Bản cáo bạch của Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50.

Thông tin thanh toán

Việc thanh toán các khoản bằng tiền (nếu có) sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản phong tỏa Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam, chi tiết như sau:

Tên người thụ hưởng:	Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
Số tài khoản:	Sẽ thông báo trên website của Công ty quản lý quỹ
Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành
Số tiền nộp:	_____
Nội dung:	[Tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng khoán] chuyển cho Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50

Nhà đầu tư vui lòng đọc kỹ chi tiết cách thức giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 tại Bản cáo bạch trước khi tiến hành giao dịch.

II. GIAO DỊCH THỨ CẤP THÔNG QUA HOSE

Bước 1: Nghiên cứu tài liệu và mở tài khoản chứng khoán

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, Nhà đầu tư nên hiểu rõ về Quỹ thông qua các tài liệu như Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ,... có tại website: https://fptcapital.com.vn.

Nhà đầu tư cần mở tài khoản chứng khoán tại công ty chứng khoán (nếu chưa có) để có thể đặt lệnh giao dịch.

Bước 2: Thực hiện giao dịch

Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch mua hoặc bán mã chứng chỉ quỹ (sẽ được cung cấp sau khi Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoàn thành thủ tục cấp Mã chứng khoán tại VSD) qua các tài khoản chứng khoán của mình.

Nhà đầu tư sẽ giao dịch theo giá được niêm yết trên HOSE theo các quy định khớp lệnh của Sở giao dịch.

Bước 3: Xác nhận giao dịch

Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả giao dịch từ Công ty chứng khoán sau khi khớp lệnh.

Chu kỳ tiền và chứng chỉ quỹ về tài khoản của Nhà đầu tư sẽ tương tự với chứng khoán niêm yết thông thường và theo quy định của VSD.

(*) Lưu ý: Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ (margin) và cho các hoạt động khác phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán.

PHỤ LỤC 3

CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

STT	Tên Biểu mẫu
1	Giấy đăng ký góp vốn lập Quỹ ETF trong giai đoạn IPO
2	Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn
3	Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn
4	Văn bản đề nghị xác nhận chứng khoán (để thực hiện góp vốn lập Quỹ ETF)
5	Giấy đề nghị điều chỉnh và hủy lệnh giao dịch hoán đổi
6	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF (kèm theo bảng kê chứng khoán cơ cấu và bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng khoán cơ cấu)
7	Văn bản xác nhận số dư chứng khoán để thực hiện giao dịch hoán đổi mua Chứng chỉ quỹ ETF
8	Lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu (kèm theo bảng kê chứng chỉ quỹ ETF và văn bản xác nhận số dư của Thành viên nơi Nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng chỉ quỹ)

GIẤY ĐĂNG KÝ GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF TRONG GIAI ĐOẠN IPO
REGISTRATION FOR ETF CREATION ORDER DURING IPO

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: Authorized Participant/Distributor
- **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**
Vietnam Securities Depository Center (VSD)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại khoản tiền chênh lệch hoặc trường hợp giao dịch không hợp lệ hoặc đợt chào bán không thành công.

In case the creation request is invalid or the Initial Public Offering (IPO) is not successful, the Cash Component shall be refunded to Investor's account with details as below

Tên chủ tài khoản Bank account name	
Số tài khoản Bank account number	**Tại ngân hàng** Bank name
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) Branch (Province/City)	

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/CREATION REQUEST DETAILS

Căn cứ vào Thông báo về việc chào bán chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT, Tôi/Chúng tôi đăng ký đặt mua số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu để lập Quỹ ETF như sau:

Pursuant to the IPO Announcement of ETF managed by FPT CAPITAL, I/We would like to register to purchase ETF Creation Units as below:

Mã CCQ ETF ETF Code	**Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua** Number of ETF Creation Units registered for creation

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định về việc đăng ký góp vốn và thực hiện góp vốn lập Quỹ tại Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ và hướng dẫn của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT.

I am/We are committed to comply with all the regulations of contribution registration and establishment of Fund as stipulated in the Prospectus, Fund Charter, and guidelines from FPT CAPITAL.

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date: .....

(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISE PARTICIPANT DETAILS

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh	**Nhân viên kiểm soát**	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ**
Order receiver	Supervisory officer	Authorised representative of Authorised Participant
(Ký, ghi rõ họ tên)	**(Ký, ghi rõ họ tên)**	**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**
(Sign, full name)	(Sign, full name)	(Sign, stamp, full name)

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA VÀ CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
REQUEST OF FREEZING AND TRANSFERRING THE OWNERSHIP OF COMPONENT SECURITIES

Kính gửi:
To:

- **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
  Authorized Participant/Distributor
- **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**
  Vietnam Securities Depository Center (VSD)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/CREATION REQUEST DETAILS

Căn cứ vào Thông báo về việc chào bán chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT, Tôi/Chúng tôi đăng ký đặt mua số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu để lập Quỹ ETF như sau:

Pursuant to the Initial Public Offering (IPO) Announcement of ETF managed by FPT CAPITAL, I/We would like to register to purchase ETF Creation Units as below:

Mã CCQ ETF ETF Code	**Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua** Number of ETF Creation Units registered for creation

III. THÔNG TIN TÀI KHOẢN LƯU KÝ/DEPOSITORY ACCOUNT DETAILS

Tôi/Chúng tôi tại đây đề nghị Quý Thành viên và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện phong tỏa số chứng khoán trên các tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi đã nêu tại Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn đính kèm Giấy này theo đúng quy định để lập Quỹ. Khi đợt phát hành thành công, đề nghị Quỹ Thành viên và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chủ động chuyển quyền sở hữu số Chứng khoán cơ cấu nêu trên cho Quỹ ETF và chuyển các Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi đặt mua vào tài khoản lưu ký của tôi theo thông tin dưới đây.

I/We hereby request Authorized Participant and Vietnam Securities Depository Center (VSD) to

freeze securties mentioned in the attached "List of Component Securities" in my/our depository account. After the IPO, you are kindly requested to transfer automatically the above component securities to ETF's depository account and transfer ETF units which I/We have subscribed to my/our securities depository account with details as below.

Họ và tên Nhà đầu tư Full Name of Investor	
Số tài khoản lưu ký Securities Depository Account No.	**Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản** Depository Member

Tôi/Chúng tôi cam kết số Chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện đang bị tranh chấp và không bị cầm cố, thế chấp hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào.

I am/We are committed that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability.

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date: .....
(dd/mm/yyyy)

BẢNG KÊ CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN

(Đính kèm giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn)

LIST OF COMPONENT SECURITIES

(Attachment of request of freezing and transferring the ownership of component securities)

STT No.			**Thông tin về số lượng Chứng khoán cơ cấu và tài khoản sử dụng để góp vốn (*)** Information of Component Securities and depository account(s) (*)			
	Điền số tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại TVLK Fill in depository account number at Depository member		**Thành viên lưu ký 1** Depository Member 1	**Thành viên lưu ký 2** Depository Member 1	**Thành viên lưu ký 3** Depository Member 1	**Thành viên lưu ký 4** Depository Member 1
	Mã chứng khoán Securities Code	**Tổng số lượng** Total Quantity	**Số lượng** Quantity	**Số lượng** Quantity	**Số lượng** Quantity	**Số lượng** Quantity
1	...					
2	...					

(*) Thông tin về số lượng Chứng khoán cơ cấu và tài khoản sử dụng để thực hiện giao dịch hoán đổi đã được các Thành viên nơi mở tài khoản xác nhận theo các văn bản đính kèm.

(*) Information of Component Securities and depository account(s) is certified by Depository Members as attached.

Các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục được nộp thay thế bằng tiền (nếu có):

Information of Component Securities which is allowed to be replaced by cash (if any):

STT No.	**Mã chứng khoán** Security Code	**Số lượng** Quantity	**Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu** Cash equivalent to 1 stock	**Tổng giá trị tiền nộp thay thế** Total equivalent cash replacing stock	**Lý do được góp thay thế bằng tiền** Reason for being replaced by cash
1					
2					

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN
(ĐỂ THỰC HIỆN GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF)
SECURITIES CONFIRMATION REQUEST
(TO SUBSCRIBE FOR ETF CREATION UNITS)

Kính gửi/To: **Thành viên lưu ký**/Depository Member

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh sách đính kèm.

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable securities in my/our Depository Account as attached.

Mục đích đề nghị xác nhận: Bổ túc hồ sơ phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF.

Purpose of request: To complete ETF IPO participation documents.

Thời gian phong tỏa: Trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF cho đến khi có Thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này.

Time of freezing: Until the time of receiving the notice of releasing or transferring the securities ownership from Vietnam Securities Depository Center.

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to using this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION

Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản đã có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản

I/We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have frozen the account according to the request of the account holder.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Đại diện có thẩm quyền

Authorised Representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

STT	Mã chứng khoán	Số lượng
1	...	
2	...	

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY/SỬA GIAO DỊCH
MODIFICATION/CANCELLATION REQUEST

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To: Authorized Participant/Distributor
- **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**
Vietnam Securities Depository Center (VSD)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN HỦY/ĐIỀU CHỈNH LỆNH/CANCELLATION/MODIFICATION DETAILS

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị sửa/hủy lệnh giao dịch cho

I/We request to modify/cancel the trading order for

- **Giai đoạn IPO**/IPO period
- **Kỳ giao dịch hoán đổi ngày ...../...../.....**
Trading date as of

Cụ thể như sau

Detail as

Mã ETF ETF Code	**Loại lệnh** Type of Request	**Thông tin lệnh ban đầu** Information of original request	**Thông tin lệnh điều chỉnh** Information of modified request	**Lý do điều chỉnh** Reason of modification
		Số lượng đặt lệnh Quantity	**Số lượng đặt lệnh** Quantity	

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên. Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị điều chỉnh lệnh đặt mua/bán theo yêu cầu của Tôi/Chúng tôi.

I/We hereby declare that all information given in this form is true and accurate. I/We propose that the Authorized Participant shall modify my/our creation/redemption request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....
(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISED PARTICIPANT DETAILS

Xác nhận của TVLQ/ĐLPP Đồng ý cho Nhà đầu tư/TVLQ điều chỉnh/hủy lệnh giao dịch:
Authorized Participant/Distributors confirm for Investors/AP to modify/cancel the request

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ
Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh	**Nhân viên kiểm soát**	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ**
Order receiver	Supervisory officer	Authorised representative of Authorised Participant
(Ký, ghi rõ họ tên)	**(Ký, ghi rõ họ tên)**	**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**
(Sign, full name)	(Sign, full name)	(Sign, stamp, full name)

LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU LẤY LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

CREATION ORDER OF EXCHANGING COMPONENT SECURITIES FOR ETF CREATION UNITS

Kính gửi: To:

- **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối** Authorized Participant/Distributor
- **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam** Vietnam Securities Depository Center (VSD)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc trong trường hợp số tiền Nhà đầu tư góp thay thế bằng số tiền lớn hơn số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chỉ ra để mua các Mã chứng khoán hạn chế:

In case that value of Component Securities is higher than the Net Asset Value of a Creation Unit or if the cash contribution amount is higher than the actual purchasing cost of stocks which Investor is limited to buy, the different amount shall be refunded to Investor's account as follows:

Tên chủ tài khoản Bank account name	
Số tài khoản Bank account number	**Tại ngân hàng** Bank name
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) Branch (Province/City)	

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF như sau:

I/We register to exchange Component Securities for ETF Creation Units as follows:

Mã ETF ETF Code	**Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua** Number of ETF Creation Units registered for

	creation

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số chứng khoán trên (các) tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê chứng khoán cơ cấu hoán đổi" đính kèm theo lệnh hoán dổi này.

I/We request the Vietnam Securities Depository Center (VSD) to freeze Component Securities in my/our depository account(s) mentioned in the "List Of Component Securities" form as attached.

Tôi/Chúng tôi cam kết số Chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện đang bị tranh chấp và không bị cầm cố, thế chấp hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSD to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor
Số tài khoản lưu ký Securities Depository Account
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản Depository Member

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc và chấp nhận các quy định trong Bản cáo bạch liên quan đến việc nộp bổ sung cho Quỹ ETF các khoản tiền trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng khoán cơ cấu có sự kiện doanh nghiệp phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi.

I/We confirm that we have read and accepted all the terms in the prospectus regarding the commitment to transfer additional cash to ETF in case the securities in Basket Component Securities have corporate actions but ETF can not record due to the transfer of ownership has not been completed in the exchange transaction period.

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ
Investor
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....
(dd/mm/yyyy)

IV. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISED PARTICIPANT'S DETAILS

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ
Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh	**Nhân viên kiểm soát**	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ**
Order receiver	Supervisory officer	Authorised representative of Authorised Participant
(Ký, ghi rõ họ tên)	**(Ký, ghi rõ họ tên)**	**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**
(Sign, full name)	(Sign, full name)	(Sign, stamp, full name)

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN
ĐỂ THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI MUA CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
SECURITIES BALANCE CONFIRMATION FOR ETF CREATION ORDER

Kính gửi/To: **Thành viên lưu ký**/Depository Member

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục đính kèm.

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable securities in my/our Depository Account as attached.

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng chỉ quỹ ETF như sau:

Purpose: Freezing the securities to exchange the FPT CAPITAL VNX50 ETF Creation Units as follows:

Mã CCQ ETF ETF Code	**Ngày giao dịch hoán đổi** Exchange Transaction Date	**Ngày Thanh Toán** Settlement Date

Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán

Time of freezing: from exchange transaction date to settlement date.

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to use this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION

Chúng tôi tại đây xác nhận rằng Chủ Tài Khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản. Các chứng khoán này đều thuộc loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện bị tranh chấp hay đảm bảo bất kỳ nghĩa vụ nào và đã được phong tỏa theo yêu cầu của Chủ tài khoản.

I/We hereby confirm that the Account Holder has sufficient balance of securities as described in the attached table and such securities are transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability and have been frozen according to the request of Account Holder.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

Authorised Representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

STT	Mã chứng khoán	Số lượng
1	...	
2	...	

LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF LẤY CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
REDEMPTION ORDER
EXCHANGING ETF CREATION UNITS

Kính gửi:
To:

- **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
  Authorized Participant/Distributor
- **Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**
  Vietnam Securities Depository Center (VSD)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc tiền bán từ chứng khoán bị giữ lại do vượt hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

In case that the Net Asset Value of ETF Creation Units is higher than the value of Component Securities or in the case of selling securities that investor is limited to hold, the cash amount incurred shall be transferred to investor's account with details as follows:

Tên chủ tài khoản Bank account name	
Số tài khoản Bank account number	**Tại ngân hàng** Bank name
Chi nhánh (Tỉnh/Thành phố) Branch (Province/City)	

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

I/We register to exchange ETF Creation Units for Component Securities as follows

Mã CCQ ETF ETF Code	**Ngày giao dịch hoán đổi** Exchange Transaction Date	**Ngày thanh toán** Settlement Date

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phong tỏa số Lô chứng chỉ quỹ ETF trên (các) Tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê Chứng chỉ quỹ ETF" đính kèm lệnh hoán đổi này.

I/We request the Vietnam Securities Depository Center (VSD) to freeze ETF Creation Units in my/our Depository Account(s) mentioned in the "List of ETF Creation Units" form as attached.

Chúng tôi cam kết số Chứng Chỉ Quỹ dùng để hoán đổi này thuộc toàn quyền sở hữu hợp pháp của chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện tranh chấp, cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I/We commit that the Component Securities which are my/our lawful ownership can be transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chuyển khoản số lượng Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSD to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities depository account with details as below:

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor
Số tài khoản lưu ký Securities Depository Account
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản Depository Member

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ/AUTHORISE PARTICIPANT DETAILS

TÊN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Authorised Participant's name

Nhân viên nhận lệnh Order receiver **(Ký, ghi rõ họ tên)** (Sign, full name)	**Nhân viên kiểm soát** Supervisory officer **(Ký, ghi rõ họ tên)** (Sign, full name)	**Đại diện có thẩm quyền của Thành viên lập quỹ** Authorised representative of Authorised Participant **(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)** (Sign, stamp, full name)

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(ĐỂ THỰC HIỆN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI)
ETF CREATION UNITS CONFIRMATION REQUEST
(TO EXCHANGE FOR COMPONENT SECURITIES)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư Full name of Investor	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch Business License No./Indentification No./Trading Code	
Ngày cấp Issuing Date	**Nơi cấp** Issuing Place
Quốc tịch Nationality	**Số điện thoại** Phone Number
Số tài khoản lưu ký Depository account number	
Địa chỉ liên hệ Contact address	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN/CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục sau:

We hereby request Depository Member to confirm and freeze the transferable ETF Units in my/our Depository Account as follows:

Mã ETF ETF Code	**Số lượng Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký** Number of transferable ETF Units in Depository Account

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu như sau

Purpose: Freezing the ETF Units to exchange for Component Securities as follows:

Mã CCQ ETF ETF Code	**Ngày giao dịch hoán đổi** Exchange Transaction Date	**Ngày thanh toán** Settlement Date

Thời gian phong tỏa: Từ ngày giao dịch hoán đổi đến hết ngày thanh toán.

Time of freezing: From exchange transaction date to settlement date

III. CAM KẾT XÁC NHẬN/DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này.

I/We commit to use this certified document to provide the purpose mentioned above to related parties and shall be legally responsible for my/our request.

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ

DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION

Chúng tôi tại đây xác nhận rằng Chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản. Các chứng khoán này đều thuộc loại tự do chuyển nhượng, không thuộc diện bị tranh chấp hay đảm bảo bất kỳ nghĩa vụ nào và đã được phong tỏa theo yêu cầu của Chủ tài khoản.

I/We hereby confirm that the Account Holder has sufficient balance of securities as described in the attached table and such securities are transferable, undisputed and not mortgaged, pledged or secured for any liability and have been frozen according to the request of Account Holder.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

Authorised Representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

Ngày/date.....

(dd/mm/yyyy)

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

A. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom)	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ hoặc Sở giao dịch; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá được xác định là Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ.
Chứng khoán phái sinh		
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Các tài sản khác		
17	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thông qua.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu cửa tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuteurs/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.

B. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:
   - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một Chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua Chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua Chứng khoán XYZ;
   - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một Chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) Chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua Chứng khoán XYZ;
   - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta[2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn[3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát và được Ban đại diện quỹ chấp thuận
	[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium). [2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận [3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).	

C. Tổng nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

  Giá trị TS ròng của quỹ (NAV)= Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ
- Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

PHỤ LỤC 5
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2012/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 158/2000/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây mang nghĩa như sau:

"Quỹ hoán đổi danh mục"/ "Quỹ ETF"/ "Quỹ"	Là Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
"Công ty quản lý quỹ" hoặc "Công ty quản lý quỹ FPT Capital"	Là Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT, được thành lập theo Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 18/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007. Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT được Nhà đầu tư uỷ thác quản lý Quỹ ETF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Ngân hàng giám sát"	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 và Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện.
"Công ty kiểm toán"	Là Công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán được Đại hội nhà đầu tư (hoặc Ban đại diện quỹ theo ủy quyền của Đại hội nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ quỹ"	Bao gồm Văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và niêm yết Chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu

	tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn Điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ quỹ"/"Chứng chỉ quỹ ETF"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ"/"Lô ETF"	Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chứng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá mua lại" (nếu có)	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu.

"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
"Giá trị tài sản ròng của quỹ/NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày định giá.
"Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF (iNAV)"	Là Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành.
"Ngày giao dịch hoán đổi"	Là Ngày định giá mà Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ phát hành và mua lại các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán.
"Thành viên lập quỹ"/"AP"	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng

	khoán đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
"Đại lý chuyển nhượng"	Là Công ty quản lý quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ quỹ.
"Chỉ số tham chiếu"	Là chỉ số VNX50, một chỉ số thị trường bao gồm 50 cổ phiếu thành phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare.
"Chứng khoán cơ cấu"	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu.
"Danh mục chứng khoán cơ cấu"	Là danh mục bao gồm các Chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF.
"Lệnh giao dịch hoán đổi"	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các Lô chứng chỉ quỹ và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu.
"Bỏ phiếu điện tử (e-voting)"	Là hình thức giúp các Nhà đầu tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam"/"VSD"	Là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
"Sở giao dịch chứng khoán"	Là Sở giao dịch chứng khoán mà Chứng chỉ quỹ được niêm yết.
"HOSE"	Là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
"HNX"	Là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên đầy đủ bằng tiếng việt: Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50
- Tên đầy đủ bằng tiếng anh: FPT CAPITAL VNX50 ETF
- Tên viết tắt: FCAP VNX50
- Địa chỉ liên hệ: Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT – Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84)24 – 7300 1313 Fax: (84) 24 – 3715 2834

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lô chứng chỉ quỹ ETF chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư tạo thành. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng). Số vốn này được chia thành năm mươi (50) Lô chứng chỉ quỹ.
2. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng).
3. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ, mỗi Thành viên lập quỹ đăng ký mua các Lô chứng chỉ quỹ theo thỏa thuận giữa Thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) Lô chứng chỉ quỹ.
4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được thực hiện bằng Danh mục chứng khoán cơ cấu ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 điều này. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các Lô chứng chỉ quỹ phân phối cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
5. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
   a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của Lô chứng chỉ quỹ; và
   b) Những mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
   c) Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ là Nhà đầu tư nước ngoài nên không thể mua chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước

ngoài tối đa để góp vốn.

d) Trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua) trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang Quỹ.

e) Hình thức thanh toán, cách thức góp vốn bằng tiền nêu trên của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

6. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

7. Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được phong tỏa tại VSD. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ: Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 18/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007
- Trụ sở chính: Tầng 7, Khối 17 tầng, Tòa nhà FPT Tower, Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 – 7300 1313 Fax: (84) 24 – 3715 2834

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Giấy phép thành lập số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/6/2020.
- Quyết định về việc đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.
- Địa chỉ: Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 – 3941 1840 Fax: (84) 24 – 3941 1847

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50 do HOSE và HNX xây dựng Quy tắc chỉ số, HOSE quản lý chỉ số hàng ngày như được mô tả chi tiết tại Bản cáo bạch.

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu bằng cách đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Quỹ sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm dựa trên nhận định của Công ty quản lý quỹ với mục đích bảo vệ lợi ích Nhà đầu tư và đảm bảo việc phân bổ đầu tư không vượt qua những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF

a) Danh mục đầu tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu) và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.

b) Danh mục đầu tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục của Chỉ số tham chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

iii. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;

vi. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại mục i, ii Điểm b Khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu Danh mục đầu tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:
   a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục (i) và (ii) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
   c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục (i), (ii), (iv), (v) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
   d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.
   e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng,

   f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
   g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục chỉ số tham chiếu;
   h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của quỹ.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại Điểm a, b, c và e Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau đây:
   a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh mục đầu tư của Quỹ;
   b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật; bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
   c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
   d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
   e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu thay đổi;
   f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá (03) tháng

kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c, e và f Khoản 3 Điều này, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại Danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại Danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại Danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.
7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
   a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
   b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
   c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
   d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

1. Quỹ đầu tư vào Danh mục chứng khoán cơ cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu).
2. Giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ số tham chiếu.
3. Khi Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ số tham chiếu.

Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư là tổ chức ký.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà đầu tư Nước Ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng chỉ quỹ, giao dịch Chứng chỉ quỹ mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
   b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
   c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
   d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục số biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu

hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường, hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà đầu tư

Nhà đầu tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có đủ Chứng khoán cơ cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ;
2. Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu;
3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
4. Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ;
   b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
   c) Danh sách Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ: họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tài khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ/lộ chứng chỉ quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.
   d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà đầu tư.
3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư

khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của quỹ;

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:

- Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
- Số Chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số Chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ.

2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh chuyển đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước.

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;

b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

c) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

d) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;

e) Các trường hợp khác Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ quỹ không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 6 Điều này, mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 18. Giao dịch hoán đổi Danh mục cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:
   a) Áp dụng cho Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và cho Thành viên lập quỹ;
   b) Giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
   c) Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời điểm đóng sổ lệnh:
      i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày làm việc ("Ngày giao dịch hoán đổi"). Trong trường hợp ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
      ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, thông báo cho Ngân Hàng ít và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư Thường Niên gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
      iii. Thời điểm đóng sổ lệnh: 14h40' của Ngày giao dịch hoán đổi.
   d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) Lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng chỉ quỹ trong một (01) Lô chứng chỉ quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và các Đại lý phân phối;
   e) Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:
      i. Chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ;
      ii. Chứng khoán cơ cấu và Chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi thuộc loại tự do chuyển nhượng;
      iii. Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi được lấy từ các nguồn sau:
      - Đối với Thành viên lập quỹ:
      • Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
      • Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;

- Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

- Đối với Nhà đầu tư:

- Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

f) Thành viên lập quỹ chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được thành viên lập quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm:

i. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;

ii. Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải xác nhận lại với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ xác nhận lại với Nhà đầu tư. Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư phải cung cấp cho Công ty quản lý quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công ty quản lý quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ, Bản cáo bạch;

g) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

i. Được thành viên lập quỹ chuyển tới Công ty quản lý quỹ hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch;

ii. Được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận về việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ, ngân hàng giám sát xác nhận số tiền nhà đầu tư, thành viên lập quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ;

h) Hoạt động hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ ETF tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc chuyển khoản Chứng khoán cơ cấu và Chứng chỉ quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và phù hợp với hướng dẫn của Tổng

công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Ngân hàng giám sát.

i) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành Lô chứng chỉ quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;

b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối) theo quy định tại Điều lệ quỹ và các hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ.

Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư;

d) Trong vòng tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch

do mình thực hiện;

e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra thông qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khả năng thực hiện được lệnh của Nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trừ trường hợp:

a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại Điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

b) Khi hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ thanh toán bằng tiền vào các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

c) Trường hợp trong Danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư, hoặc Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan, hoặc Nhà đầu tư nước ngoài không thể mua Chứng khoán cơ cấu do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại. Chi tiết việc thanh toán bổ sung bằng tiền và thực hiện lệnh mua hộ cho thành viên lập quỹ/nhà đầu tư được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

d) Trong trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định tại Bản cáo bạch.

4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà

đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, mà Quỹ ETF không đủ số lượng chứng khoán của một (01) mã Chứng khoán cơ cấu nào đó hoặc không sở hữu mã Chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thì việc hoàn trả mã Chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như quy định tại Bản cáo bạch.

5. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và hoàn trả Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với Chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại Ngày chuyển quyền chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư) hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó thì Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

   a) Trường hợp là Nhà đầu tư nước ngoài, Công ty quản lý quỹ phải bán số Chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này;

   b) Trường hợp chuyển hoàn Danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư dẫn tới Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư Hà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư này;

Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt qua các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế (nếu có), chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Nếu phát sinh cổ tức hoặc quyền mua trong thời gian Công ty quản lý quỹ thực hiện bán các Chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

   i. Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.

   ii. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.

   iii. Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày

đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.

iv. Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.

v. Khoản thanh toán cho Nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi.
- Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.

c) Trường hợp Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đó, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm bán số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

6. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF từ Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

a) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ số tham chiếu;

b) Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liên trước Ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

c) Cơ cấu lại Danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;

d) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;

e) Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng

khoán. Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 6 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 8 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

1. Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:
   a) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
   b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán nơi Chứng chỉ quỹ ETF niêm yết;
   c) Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký Quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán Chứng chỉ quỹ, bán Chứng khoán cơ cấu trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ Chứng chỉ quỹ ETF, Chứng khoán cơ cấu để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số Chứng chỉ quỹ ETF, Chứng khoán cơ cấu này bao gồm số Chứng chỉ quỹ, số Chứng khoán cơ cấu đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số Chứng chỉ quỹ, số Chứng khoán cơ cấu nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh mục chứng khoán cơ cấu, số Chứng chỉ quỹ ETF có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 20. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại

1. Giá dịch vụ phát hành:

   Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ:

   a) Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần

đầu hoặc sau khi quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.

b) Giá dịch vụ phát hành:

- Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với Nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

2. Giá dịch vụ mua lại:

a) Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ.

b) Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).

c) Giá dịch vụ mua lại

- Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
- Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc dưới các hình thức khác. Việc thanh toán các khoản giá dịch vụ được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch.

3. Việc điều chỉnh mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ là Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ là Tổ chức tạo lập thị trường.

4. Việc tăng các mức giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Trường hợp giảm mức Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với Nhà đầu tư so với quy định tại Điều lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới

sớm nhất là kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều lệ quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 21. Giá phát hành, Giá mua lại

1. Giá phát hành: là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một (01) Lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một (01) Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi cộng thêm Giá dịch vụ phát hành.
2. Giá mua lại: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại: bằng Giá trị tài sản ròng trên một (01) Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá dịch vụ mua lại.

Điều 22. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế,...) Chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành.
2. Việc tặng cho, thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế và/hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Công ty quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Điều 2. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

Trong trường hợp quỹ bị thua lỗ, nhà đầu tư có thể thực hiện bán lại chứng chỉ quỹ hoặc yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 24. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
   a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
   b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
   c) Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ;
   d) Phương án phân phối lợi tức;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;

g) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.

5. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).

Điều 25. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
   - Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
   - Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
   - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này

Điều 26. Điều kiện tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc

ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo hướng dẫn của Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại Điều 27 của Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.
7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 27. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản

1. Phương thức tham dự: Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc thư điện tử tùy thuộc vào thông báo của Công ty quản lý quỹ theo từng trường hợp và phù hợp với quy định pháp luật.
2. Thời gian, chương trình và nội dung của Đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai và các tài liệu quy định tại khoản 4.1 Điều này phải được gửi cho Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi tiến hành Đại Hội. Đại hội nhà đầu tư không thảo luận các vấn đề nằm ngoài nội dung đã được thông báo.
3. Trong trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ gửi các tài liệu quy định tại Điểm a, b, c và d khoản 4.1 Điều này cho Nhà đầu tư ngay khi có quyết định lấy ý kiến Nhà đầu tư.

4. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản được tiến hành như sau:

4.1. Công ty quản lý quỹ chuẩn bị lấy tài liệu, văn bản cho việc lấy ý kiến Nhà đầu tư bao gồm:

a) Thư mời họp;

b) Dự thảo nội dung chương trình họp;

c) Các tài liệu liên quan đến nội dung chương trình họp;

d) Phiếu lấy ý kiến Nhà đầu tư (trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư) Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo phiếu lấy ý kiến thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

i. Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;

ii. Mục đích lấy ý kiến;

iii. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ chứng thực cá nhân của Nhà đầu tư là cá nhân, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư và đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức.

iv. Số lượng chứng chỉ quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;

v. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

vi. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

vii. Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công ty quản lý quỹ;

viii. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ;

ix. Chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân và chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư là tổ chức kèm theo con dấu (nếu có).

e) Biên bản họp (trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội nhà đầu tư) hoặc Bien bản kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư). Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo phiếu lấy ý kiến thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

i. Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận thành lập Quỹ;

ii. Tên, địa chỉ trụ sở, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;

iii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà đầu tư.

iv. Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, phân loại số lượng và tỉ lệ phiếu biểu quyết hợp lệ/không hợp lệ.

v. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

vi. Các quyết định đã được thông qua.

vii. Danh sách các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết.

4.2. Công ty quản lý quỹ tổ chức cuộc họp Nhà đầu tư (đối với trường hợp tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư) hoặc thu thập Phiếu lấy ý kiến đã trả lời của Nhà đầu tư.

Phiếu lấy ý kiến đã trả lời có thể được gửi về Công ty quản lý quỹ bằng thư chuyển phát, fax, thư điện tử hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử trong thời hạn đã quy định trong Phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ là phiếu được gửi đến Công ty quản lý quỹ sau thời gian quy định.

4.3. Trong vòng 24 giờ kể từ khi bế mạc cuộc họp hoặc kết thúc thời gian ghi trong Phiếu lấy ý kiến, Công ty quản lý quỹ tiến hành kiểm phiếu và ghi nhận thông tin vào biên bản kiểm phiếu/biên bản họp. Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi Chứng chỉ quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại hội nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết.
2. Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 51% trên tổng số Chứng chỉ quỹ của những Nhà đầu tư tham gia biểu quyết hoặc lấy ý kiến.
3. Đối với vấn đề quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 65% trên tổng số Chứng chỉ quỹ của những Nhà đầu tư tham gia biểu quyết.
4. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho trên 50% tổng số Chứng chỉ quỹ của những Nhà đầu tư biểu quyết tán thành.
5. Trong thời hạn 24 giờ sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
6. Những nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những nghị quyết này mặc nhiên bị hủy đồng thời Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và Nhà đầu tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Điều 29. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng

trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 30. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có ba (03) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
   a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, Quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
   b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
   c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:
   - Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
   - Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   - Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc

bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho đến khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

6. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 31. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:
   - Có đủ năng lực hành vi dân sự;
   - Không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
   - Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản hoặc pháp luật.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
   - Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
   - Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
6. Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
7. Thành viên Ban đại diện quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
8. Thành viên Ban đại diện quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện

quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 33. Chủ Tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ Tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ Tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ Tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
   d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Thành viên Ban đại diện quỹ không còn tư cách thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban đại diện quỹ;
   b) Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
   c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ;
   d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   f) Có văn bản thông báo thành viên Ban đại diện quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức, Thành viên lập quỹ.
2. Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban đại diện quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội nhà đầu tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban đại diện quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban đại diện quỹ. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban đại diện quỹ cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội nhà đầu tư có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban đại diện quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 35. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 36. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ. Ban đại diện quỹ có thể tổ chức họp trực tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp qua các hình thức trực tuyến khác (email, các phần mềm họp trực tuyến …).
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên trước một (01) ngày trước ngày họp.
3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 37. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền sau:
   a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều lệ này;
   b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà

đầu tư vào Quỹ;

c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ hoặc pháp luật;

d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

e) Ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ;

f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;

i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

2. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này. Công ty quản lý quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;

b) Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;

c) Công ty quản lý quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư;

d) Công ty quản lý quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty quản lý quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

e) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty quản lý quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều lệ này;

f) Công ty quản lý quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

g) Thực hiện các cam kết của Công ty quản lý quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều lệ này.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;

b) Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động, bị giải thể;

c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty quản lý quỹ khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (16) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) như sau:

- Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng hai phần trăm (2%) Giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ;
- Nếu việc thay đổi Công ty quản lý quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ.

Điều 41. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quy định khác, Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

3. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán;

b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện

giao dịch.

4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.
6. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
   a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
   b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ Tịch Công ty, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều lệ;
   c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
7. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 42. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại;
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của

Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;

4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
5. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 02, Phụ Lục 03 của Điều lệ này.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ sau:
   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
   e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
   g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ là chính xác;
   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
   j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
   k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
   l) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.
2. Ngân hàng giám sát có quyền:
   a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng giám sát được ký giữa các bên.

Điều 44. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

e) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ

quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty quản lý quỹ.
5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Lưu ký Giám Sát. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 45. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi từ cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng Khoán;
   b) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ chấp thuận;
   c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ;
   e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 46. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Hoạt động được ủy quyền bao gồm:

1. Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
2. Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
3. Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 47. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung
   a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
   b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
   c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty quản lý quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty quản lý quỹ đối với dịch vụ đó.

Điều 48. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về các công việc mà mình làm.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
   a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:
      i. Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
      ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị Quỹ;
      iii. Xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
      iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
   b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
      i. Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ;
      ii. Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà đầu tư;
      iii. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ;
      iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu:

   Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của

Công ty quản lý quỹ;

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc bất thường của Công ty quản lý quỹ.

Điều 49. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 50. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
   b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
   c) Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
   d) Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
   e) Quỹ bị giải thể;
   f) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
   h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.

2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 51. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công ty quản lý quỹ.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công ty quản lý quỹ.
4. Luôn nắm giữ số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu như đã cam kết với Công ty quản lý quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập Quỹ.

Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

1. Quyền của Thành viên lập quỹ:
   a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;
   b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ ETF, thông qua Công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại;
   c) Được vay Chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF; hoặc vay các Lô chứng chỉ quỹ ETF để hoán đổi lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay chứng khoán, Chứng chỉ quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
   d) Được thực hiện các giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF, Chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đổi ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này và theo quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của Thành viên lập quỹ:
   a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;
   b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao

dịch của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán, Thành viên lập quỹ phải thực hiện lệnh của Nhà đầu tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, Thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư;

c) Bảo đảm Nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký Quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý tách biệt tài sản của Nhà đầu tư trên tài khoản của từng Nhà đầu tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà đầu tư dưới mọi hình thức không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của Nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà đầu tư;

e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán, thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại lý phân phối.

Điều 53. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường Quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.
2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng chỉ quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng chỉ quỹ ETF theo mức giá yết tại các Ngày Giao Dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động Tổ chức tạo lập thị trường do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

Chương X: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 54. Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

Điều 55. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư;
3. Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Báo Cáo Tài Chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ.
5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư: nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 56. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với chứng chỉ quỹ ETF khi:
   a) Đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối
   b) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực
   c) Đại lý phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;
2. Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng chỉ quỹ như Khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ phải thông báo với UBCKNN kèm theo các tài liệu sau:

a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;

b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với Công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của Quỹ khác do công ty quản lý).

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.

5. Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:

a) Theo quyết định của đại lý phân phối;

b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

c) Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;

d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.

6. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 5 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công ty quản lý quỹ và Nhà đầu tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 57. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 32 Điều lệ này, Ban đại diện quỹ thực hiện chọn Công ty kiểm toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
3. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
4. Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 59. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

3. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII: XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 60. Xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:
   a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
   b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
2. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ;
4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu xác định và công bố thông tin về Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.
5. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị tài sản ròng do Ngân hàng giám sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều lệ quỹ và của pháp luật, Giá trị tài sản ròng được

tính đúng.

6. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 61. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được quy định tại sổ tay định giá.

Điều 62. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Ngày định giá: Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định hàng ngày và hàng tháng.

   Trong trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

   Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

2. Việc xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc sau:

   a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá. Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

   b) Sau khi xác định Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải thông báo kết quả để Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;

   c) Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các Giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện ngay trong Ngày giao dịch hoán đổi hoặc

tối thiểu không muộn hơn Ngày giao dịch hoán đổi tiếp theo.

d) Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:

i. Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;

ii. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

iii. Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

Điều 63. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải đến bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư giao dịch Chứng chỉ quỹ khi định giá sai Giá trị tài sản ròng của quỹ, với các mức sai lệnh đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
   a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư đã bán.
   b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
   a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.
   b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 64. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý Quỹ
   a) Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50. Giá dịch vụ quản lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50 là 0,65% NAV/năm (Chưa bao gồm giá dịch vụ/ tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công

ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ), tối thiểu 30.000.000 VNĐ/tháng.

b) Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý Quỹ (tăng, giảm) phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và phải được công bố thông tin theo quy định (nếu có).

c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại ngày trước Ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366 ngày).

d) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

2. Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký

a) Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Giá dịch vụ lưu ký là: 0,06% NAV/năm.

  Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 20.000.000 VNĐ/tháng.

- Giá dịch vụ giám sát là: 0,02% NAV/năm.

  Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 VNĐ/tháng.

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Tổng số Giá dịch vụ lưu ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

b) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF được tính như sau:

- Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF là: 0,03% NAV/năm

  Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

b) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày

thực tế của năm"].

c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

4. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

a) Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

b) Mức Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng: 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

c) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau: Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của chu kỳ định giá.

d) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

5. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số

a) Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

b) Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

c) Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá số ngày trong năm"] và [Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm"]. Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

d) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (INAV), INDEX, mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu (TE).

a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

b) Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày định giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá 1 số ngày thực tế của năm"].

c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tổng các khoản Giá dịch vụ quản lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF không quá 2% NAV của Quỹ/năm.

7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
f) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
g) Thù lao cho Ban đại diện quỹ;
h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
i) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 65. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 66. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:
   a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
   b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
   c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;

d) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;

e) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;

f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;

g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động x 365 ngày x 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

Điều 67. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
   a) Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
   b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
   c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản

nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;

d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

Chương XIV: TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 68. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho Nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
   a) Phương án hợp nhất, sáp nhập;
   b) Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
   c) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
   d) Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
3. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công ty quản lý quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác.
4. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:
   a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà đầu tư;
   b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
   c) Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

c) Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;

d) Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.

7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

a) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;

b) Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ quỹ (nếu có).

8. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:

a) Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;

b) Nhà đầu tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;

c) Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Điều 69. Giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;

d) Quỹ hủy niêm yết;

e) Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:
   a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
   b) Chuyên các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
   c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
   d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
   e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
3. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
   a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
   b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
   c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khó bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
4. Đại hội nhà đầu tư chỉ định một Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà đầu tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 6 Điều này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
6. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
   a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
   b) Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.
7. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc:
   a) Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
   b) Danh mục hoàn trả cho Nhà đầu tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
   c) Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao

tài sản cho Nhà Tư được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

d) Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà đầu tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

8. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
9. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
10. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 70. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:
   - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
   - Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban Điều Hành, thành viên Ban Kiểm Soát, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 71. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quỹ và các hoạt động khác có liên quan tới Quỹ được Công ty quản lý quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
   a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán nơi Chứng chỉ quỹ niêm yết, Thành viên lập quỹ;
   b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.

71.4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thắng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

Điều 72. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 73. Đăng ký Điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 16 Chương 74 Điều và 03 Phụ lục, đã được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội nhà đầu tư của Quỹ thông qua. Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.
2. Điều lệ này được lập thành tám (08) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt:
   a) 01 bản đăng ký tại UBCKNN.
   b) 06 bản lưu tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.
   c) 01 bản lưu tại trụ sở chính của Ngân hàng giám sát.

Điều 74. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy Đăng Ký Lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ

NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT